

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CÁC ĐÔI LIÊN

臺
在
南
方
道
統
傳

高
如
北
闕
人
瞻
仰

NHÓM SƯU TẦM và GIẢI THÍCH:

- Huỳnh Văn Sinh
- Chánh Trị Sự Bùi Thanh Xuân
- Luật Sự Nguyễn Văn Thăng
- Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Lời nói đầu

Trong lời nói đầu, chúng tôi xin lược thuật quá trình hình thành quyển sách CÁC ĐÔI LIỄN này.

Đã từ lâu, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng có ý mong muốn sưu tập tất cả các câu liễn nơi các cơ quan của Đạo Cao Đài một cách chính xác, bởi vì các tài liệu chép các đôi liễn bằng Việt ngữ vấp phải nhiều lỗi chánh tả, nên đọc lên không thể hiểu được và cũng không thể giải thích rõ ý nghĩa được. Việc này chưa thể thực hiện ngay, vì còn bận rộn rất nhiều công việc khác cấp bách hơn.

Do đó, vào đầu năm 1995, Hiền Tài Hồng có gọi ý với bạn Huỳnh Văn Sinh, anh Sinh nên dành thời gian để đi đến tận các cơ quan, ghi chép nguyên bản Hán văn của từng đôi liễn đem về tra lại Từ điển Hán Việt, dịch lại cho chính xác, rồi từ đó mới xúm nhau lại giải thích ý nghĩa của từng đôi liễn.

Thế là anh Sinh đã vui vẻ thực hành. Anh dành rất nhiều thời gian để đi đến các cơ quan từ trong nội ô đến ngoại ô sưu tầm liễn, khi thì cùng đi với Chánh Trị Sự Bùi Thanh Xuân, khi thì cùng đi với Luật Sư Nguyễn Văn Thăng. Từ đầu năm 1995 cho đến tháng 10 năm 1996, anh Sinh và các bạn đã sưu tập được khoảng 70 đôi liễn nơi các cơ quan của Đạo Cao Đài tại Tòa Thánh Tây Ninh và Châu Thành Thánh Địa, và khoảng gần 20 đôi liễn nơi các Phủ Từ.

Trong công cuộc sưu tập này, có nhiều đôi liễn đã bị hủy diệt theo thời gian qua nhiều biến cố, chúng tôi chiếu theo các tài liệu cũ đã được biên chép bằng Việt ngữ, tìm hiểu ý nghĩa của từng chữ, rồi viết trở lại Hán văn. Phần này chắc có khuyết điểm, có lẽ không hoàn toàn đúng với bản Hán văn ban đầu. Ước mong Quý Chức sắc và các bạn Đạo am tường về liễn bổ túc cho. Thế là phần sưu tập các câu liễn Hán văn đã tạm xong,

chúng tôi dự định qua Tết năm Đinh Sửu (1997) sẽ xúm nhau nghiên cứu và giải thích ý nghĩa các đôi liễn này.

Nhưng ngày 26-10-Bính Tý (dl 6-12-1996), bạn Huỳnh Văn Sinh bị bệnh nhồi máu cơ tim, đột ngột từ trần.

Tuy linh hồn bạn Sinh đã sớm trở về cõi vĩnh hằng, nhưng mấy anh em còn lại trong nhóm sưu tầm quyết định tiếp tục hoàn thành công trình này để linh hồn anh được thoải mái nhẹ nhàng.

Hiền Tài Hồng và Luật Sự Thăng cùng nhau nghiên cứu, trao đổi, và nhứt là được sự giúp đỡ tận tình của nhà nho Bùi Quang Hòa (Nhà nho Bùi Quang Hòa có công đóng góp 2 đôi liễn: 1 đôi ở Văn phòng Ban Quản Trị Chợ Long Hoa, 1 đôi ở Báo Ân Đường Q.T.); Hiền huynh Hòa và Hiền Tài Hồng đi xác minh lại một số đôi liễn và nhờ đó sưu tầm được thêm mấy đôi liễn nữa; ngày nay tạm làm xong tập sách nhỏ CÁC ĐÔI LIỄN để công hiến chư đồng đạo.

Khi tập sách này hoàn thành, chúng tôi sẽ dâng lên Hội Thánh ấn hành.

Chúng tôi cũng đồng ý với nhau, phần Công Quả trong việc sưu tầm biên soạn quyển sách CÁC ĐÔI LIỄN, chúng tôi trọn hiến cho bạn Huỳnh Văn Sinh, để cầu nguyện Các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung ban cho linh hồn Huỳnh Văn Sinh được hưởng nhiều ân huệ.

Nay kính,

NHÓM SƯU TẦM và GIẢI THÍCH:

- Huỳnh Văn Sinh
- Bùi Thanh Xuân
- Luật Sự Nguyễn Văn Thăng
- Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng

Thỉnh Cầu

Trong chiều hướng bảo tồn và lưu truyền nền văn hóa Cao Đài, chúng tôi sưu tập được khoảng 90 đôi liên nơi Tòa Thánh, Báo Ân Từ và các cơ quan Đạo trong Nội Ô và Ngoại Ô Châu Thành Thánh Địa Tây Ninh.

Chúng tôi đến tận nơi biên chép các câu liên chữ Hán, rồi phiên dịch ra chữ Việt, còn các đôi liên đã bị phá hủy thì chúng tôi nghiên cứu bản Việt ngữ rồi viết trở lại Hán văn, sau đó chúng tôi họp nhau lại để tìm cách giải thích ý nghĩa của từng câu liên trong trình độ hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi. Còn rất nhiều câu liên mà chúng tôi chưa tìm ra xuất xứ.

Việc làm này chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót.

THỈNH CẦU quý Chức sắc, các học giả, quý Đạo tâm xem xét và bổ khuyết cho chúng tôi, để tập sách mỏng này thêm phong phú và đúng đắn, phục vụ hữu ích cho những vị nào muốn tìm hiểu liên đôi của Đạo Cao Đài.

Thành kính tri ân quý vị trước.

Nay kính.

Những chữ viết tắt

CTĐ:	Cử Trùng Đài.
HTĐ:	Hiệp Thiên Đài.
HT:	Hội Thánh.
VP:	Văn phòng.
CQPT:	Cơ Quan Phước Thiện.
CKTG:	Cần Khôn Thế Giới.
CKVT:	Cần Khôn Vũ Trụ.
PT:	Phước Thiện, Cơ Quan Phước Thiện.
QT:	Qui Thiện, Trường Qui Thiện.
ĐĐTKPĐ:	Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
TKPĐ:	Tam Kỳ Phổ Độ.
ĐCĐ:	Đạo Cao Đài.
TL:	Thiên liêng.
TLHS:	Thiên liêng Hằng Sống.
TTN:	Tòa Thánh Tây Ninh.

Phần thứ nhất: CÁC ĐÔI LIÊN

Nơi các cơ quan của Đạo Cao Đài

1. Đôi Liên Tiên tri.

C.1: CAO như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng.

C.2: ĐÀI tại Nam phương Đạo thống truyền.

(2)

臺
在
南
方
道
統
傳

(1)

高
如
北
闕
人
瞻
仰

Đôi liên này khởi đầu bằng hai chữ CAO ĐÀI, được in trên bìa của một quyển kinh Đạo Minh Sư bên Tàu, xuất hiện cuối đời nhà Minh và đầu nhà Thanh, truyền sang Việt Nam, cho biết trước rằng, về sau này tại VN, Thượng Đế sẽ mở ra một nền Đạo lớn, gọi là Đạo Cao Đài, qui hiệp tất cả các tôn giáo khác.

GIẢI THÍCH:

* **Cao:** ở trên cao. **Như:** giống như. **Bắc:** hướng Bắc. **Khuyết:** cổng lớn vào đền vua. Bắc Khuyết là chỉ Huỳnh Kim Khuyết ở hướng Bắc, nơi họp Thiên triều của Thượng Đế. **Nhân:** nhưn sanh. **Chiêm ngưỡng:** trông lên với lòng kính trọng yêu mến.

C.1: Cao như Huỳnh Kim Khuyết ở hướng Bắc, nhưn sanh đều chiêm ngưỡng.

* **Đài:** cái đài xây cao lên. **Tại:** ở tại. **Nam phương:** hướng nam, chỉ nước VN. **Đạo:** tôn giáo. **Thống:** tóm vào một mối. **Truyền:** đưa đi khắp nơi.

C.2: Cái đài cao tại nước VN tượng trưng một nền đạo lớn thống quản tất cả và truyền bá khắp nơi.

2. Đôi Liên Di-Lạc.

C.1: Di - Lạc thất bá thiên niên quảng khai Đại Đạo.

C.2: Thích Ca nhị thập ngũ thế chung lập Thiên môn.

(2)

釋迦二十五世終立禪門

(1)

彌勒七百年起開大道

Đôi liên này do Đức Chí Tôn ban cho để viết treo lên trong Đại lễ Khai Đạo Cao Đài ngày 15-10-Bính Dần (1926), tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén (Tù Lâm Tự) Tây Ninh.

GIẢI THÍCH:

* **Di-Lạc:** Đức Phật Di-Lạc, Giáo chủ Hội Long Hoa. **Thất bá thiên niên:** 700.000 năm. **Quảng khai:** mở rộng. **Đại Đạo:** nền Đạo lớn, tức là ĐĐTKPĐ, gọi tắt là ĐCĐ.

C.1: Đức Phật Di-Lạc mở rộng nền ĐĐTKPĐ trong 700.000 năm.

* **Thích Ca:** Đức Phật Thích Ca, Giáo chủ Phật giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ. **Thế:** thế kỷ. **Nhị thập ngũ thế:** 25 thế kỷ = 2500 năm. **Chung:** hết. **Thiên môn:** cửa thiên, Phật giáo.

C.2: Đức Phật Thích Ca lập Phật giáo 2.500 năm thì chấm dứt.

Hai câu liên trên của Đức Chí Tôn cho chúng ta biết rằng, Đức Phật Thích Ca mở Phật giáo cứu độ nhơn sanh trong vòng 2.500 năm thì chấm dứt, Phật giáo sẽ thất chơn truyền và bị bế lại.

Nối tiếp theo là thời kỳ cứu độ của Đức Di-Lạc Vương Phật với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, kéo dài được 700.000 năm (Thất ức niên).

3. Đôi Liễn Vạn Pháp.

C.1: Vạn pháp viên dung hóa độ chúng sanh vô lượng vô biên vô số kiếp.

C.2: Tam tông phổ hiện tùy cơ thuyết giáo đại hùng đại lực đại từ bi.

(2)

三宗普現隨機說教
大雄大力大慈悲

(1)

萬法圓融化度眾生
無量無邊無數劫

Đôi liễn này của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung viết treo lên trong ngày Đại lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Gò Kén Tây Ninh ngày 15-10-Bính Dần (1926).

GIẢI THÍCH:

* **Vạn pháp:** tất cả giáo lý của các tôn giáo. **Viên dung:** tròn đầy và dung hòa. **Hóa độ:** giáo hóa và cứu giúp. **Chúng sanh:** ở đây chỉ Nhơn sanh. **Vô lượng:** nhiều lắm, không lường hết được. **Vô biên:** không giới hạn. **Vô số:** số lượng nhiều lắm, không đếm hết. **Kiếp:** một đời sống.

C.1: Tất cả giáo lý của các tôn giáo đều tròn đầy và dung hòa, giáo hóa và cứu độ vô số chúng sanh trong rất nhiều kiếp.

* **Tam tông:** ba tôn giáo: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo. **Phổ hiện:** bày và hiện ra rõ ràng. **Tùy cơ:** tùy theo cơ hội. **Thuyết giáo:** thuyết giảng

giáo lý. **Đại hùng:** oai hùng lớn. **Đại lực:** sức mạnh lớn. **Đại từ bi:** đức từ bi lớn.

C.2: Ba tôn giáo lớn bày hiện ra khắp nơi, tùy cơ hội mà thuyết giảng giáo lý, sự oai hùng lớn, sức mạnh lớn, đức từ bi lớn.

Hai câu liễn này có ý nói: Ngày nay, Đạo Cao Đài mở ra với tôn chỉ bao gồm Tam giáo và Ngũ Chi, tức là bao gồm Vạn pháp, sẽ giáo hóa và cứu độ hằng hà sa số chúng sanh trong rất nhiều kiếp sống.

4. Đôi Liễn Cao Đài.

C.1: Cao thượng Chí Tôn, Đại Đạo hòa bình dân chủ mục.

C.2: Đài tiền sùng bái, Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.

(2)

臺
前
崇
拜
三
期
共
享
自
由
權

(1)

高
上
至
尊
大
道
和
平
民
主
目

Đôi liễn này thường được chạm khắc nơi các cổng tam quan đi vào nội ô Tòa Thánh, hay các cổng chánh của các Thánh Thất.

Đôi liễn Cao Đài do Đức Lý Giáo Tông ban cho để tượng trưng chủ nghĩa của Đạo Cao Đài.

Nguyên trước đây, chữ chót của câu 1 là CHÁNH, đối với chữ QUYỀN của câu 2. Giáo Sư LaTapie (Thượng LaTapie Thanh) người Pháp sợ nhà cầm quyền Pháp đương thời hiểu lầm ĐCĐ chủ trương làm chánh trị, tranh giành chánh quyền, nên cầu xin Đức Lý chỉnh lại. Đức Lý liền giáng cơ sửa chữ CHÁNH thành chữ MỤC.

GIẢI THÍCH:

* **Cao thượng:** ở tuốt trên cao, không có gì cao hơn. **Chí Tôn:** kính trọng tốt bậc, danh từ để gọi Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế. **Đại Đạo:** ĐCĐ. **Mục:** con mắt, hướng tới.

C.1: Đấng Chí Tôn ở cao hơn hết, mở ra một nền Đại Đạo, hướng tới hòa bình và dân chủ.

* **Đài:** cái đài cất cao lên, là nơi ngự của Đức Chí Tôn. **Tiền:** trước. **Sùng bái:** kính phục tôn thờ. **Tam Kỳ:** lần thứ ba, chỉ ĐĐTKPĐ. **Cộng hưởng:** cùng chung hưởng. **Tự do quyền:** cái quyền tự do của con người.

C.2: Kính phục tôn thờ Đấng Cao Đài thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cùng chung hưởng quyền tự do.

5. Đôi Liễn Hiệp Thiên Đài.

C.1: Hiệp nhập Cao Đài bá tánh thập phương qui chánh quả.

C.2: Thiên khai Huỳnh Đạo Ngũ chi Tam giáo hội Long hoa.

(2)

天
開
黃
道
五
枝
三
教
會
龍
花

(1)

協
入
高
臺
百
姓
十
方
歸
正
果

Đôi liễn này được thấy nơi Tịnh Tâm Điện và nơi lầu Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh, và nơi cổng của Văn phòng Hiệp Thiên Đài.

GIẢI THÍCH:

* **Hiệp:** hợp lại. **Nhập:** vào. **Bá tánh:** trăm họ, chỉ Nhơn sanh. **Thập phương:** mười phương, gồm: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam, Trên và Dưới. **Bá tánh thập phương:** toàn thể Nhơn loại trên địa cầu. **Qui:** trở về. **Chánh quả:** kết quả đạt được của người tu hành chọn chánh, đó là ngôi vị Tiên Phật

C.1: *Hiệp nhau nhập vào Đạo Cao Đài thì Nhơn loại sẽ được trở về ngôi vị Tiên Phật.*

* **Thiên:** Trời. **Khai:** mở ra. **Huỳnh Đạo:** Đạo Vàng. Trong bài kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu, chữ Phái Vàng là chỉ Huỳnh Đạo. Theo Ngũ Hành, màu vàng thuộc Thổ ở tại Trung ương. Huỳnh Đạo là Vô Vi Đại Đạo, lấy Âm Dương làm gốc, lấy Ngũ Hành làm thể, hòa hợp ở Mỏ Thổ Trung ương, sắc huỳnh để luyện kim đơn, xuất khiếu hiển thân, đắc đạo tại thể. Huỳnh Đạo là diệu lý của Tam giáo Ngũ chi, lấy nhân nghĩa thành tín làm căn bản, lấy từ bi bác ái làm chuẩn thẳng, cứu thế lập đời làm mục đích.

Đặc biệt Huỳnh Đạo là một cơ duyên đại kiếp, kết tụ những nguyên nhơn, những kẻ phước đức ngàn đời để dự Hội Long Hoa, nghinh tiếp Đức Di-Lạc Vương Phật lâm phạm, qui nguyên Tam giáo, hiệp nhứt Ngũ chi, lập tại trần gian đời Tân Dân Minh Đức.

Như vậy, Huỳnh Đạo tức là Đạo Vàng, chính là ĐĐTKPD, do Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế lập nên, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Ngũ chi: năm nhánh, thường nói là Ngũ Chi Đại Đạo, gồm: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh Đạo, Tiên đạo, Phật đạo. **Tam giáo:** ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông, gồm: Phật giáo, Lão giáo (Tiên giáo hay Đạo giáo) và Nho giáo. **Hội:** tham dự vào một cuộc họp đồng người.

Long Hoa: Đại Hội Long Hoa là một hội thi chung kết sau một giai đoạn tiến hóa dài của nhơn loại, để tuyển chọn những bậc hiền lương đạo đức, loại ra những phần tử hung bạo gian tà, thực hiện luật công bình thiêng liêng trong một giai đoạn tiến hóa của Vạn linh trong Càn khôn Vũ trụ.

Những người hiền lương đạo đức sẽ được phong thưởng vào những phẩm vị Thân, Thánh, Tiên, Phật, tùy theo công quả lập được nhiều hay ít; những người hung bạo gian tà sẽ bị chết thảm, linh hồn họ phải chờ đợi để nhập vào một vận hội tiến hóa mới sau này.

Đức Phật Di-Lạc sẽ làm Giáo chủ Đại Hội Long Hoa và làm Chánh chủ khảo tuyển phong Phật vị.

C.2: Thiên khai Huỳnh Đạo, Ngũ Chi Tam giáo hội Long Hoa, nghĩa là: Trời mở Đạo Cao Đài, các Đấng trong Tam giáo và Ngũ Chi Đại Đạo tham dự Đại Hội Long Hoa.

6. ĐÔI LIỄN GIÁO TÔNG ĐƯỜNG.

C.1: Giáo hóa nhưn sanh nhựt nhựt trung tâm qui thiện quả.

C.2: Tông khai tăng chúng thời thời trọng đạo hiệp chơn truyền.

(2)

宗
開
僧
眾
時
時
重
道
合
真
傳

(1)

教
化
人
生
日
日
中
心
歸
善
果

Đôi liễn này đặt tại cổng Giáo Tông Đường, khởi đầu bằng hai chữ: GIÁO TÔNG.

Đôi liễn Giáo Tông Đường do ông Giáo Sư Thượng Hoài Thanh giảng cơ đặt ra, được Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung chấp nhận trong đàn cơ tại Giáo Tông Đường ngày 16-10-Ất Hợi (dl 11-11-1935), Phò loan: Hộ Pháp - Tiếp Đạo.

Giáo Tông Đường là tòa nhà lớn dùng làm văn phòng làm việc của Đức Giáo Tông.

GIẢI THÍCH:

* **Giáo hóa:** dạy bảo để biến đổi con người từ xấu thành tốt. **Nhựt nhựt:** ngày ngày, ý nói mỗi ngày mỗi...

Trung: ở giữa, không thiên lệch, chỉ đạo Trung Dung của Đức Khổng Tử. **Tâm:** lòng dạ, cái tâm của con người. **Qui:** trở về. **Thiện quả:** trái lành, ý nói ngôi vị thiêng liêng của người đắc đạo đạt được.

C.1: Giáo hóa nhưn sanh cho mỗi ngày mỗi giữ được cái tâm trung dung để được trở về ngôi vị nơi cõi thiêng liêng.

* **Tông:** tôn giáo, đạo. **Khai:** mở ra. **Tăng chúng:** những người tu hành. **Thời thời:** luôn luôn. **Trọng đạo:**

tôn trọng đạo đức. **Hiệp:** hợp với. **Chơn truyền:** giáo lý chơn thật được truyền lại.

C.2: Đạo mở ra cho dân chúng tu hành, luôn luôn tôn trọng đạo đức cùng với chơn truyền.

7. Đôi Liễn Nhơn Nghĩa.

C.1: Nhơn bố tứ phương Đại Đạo dĩ Nhơn hưng xã tắc,

C.2: Nghĩa ban vạn đại Tam Kỳ trọng Nghĩa chấn sơn hà.

(2)

義
頌
萬
代
三
期
重
義
振
山
河

(1)

仁
佈
四
方
大
道
以
仁
興
社
稷

Đôi liễn này giải thích hai chữ NHƠN NGHĨA đặt ở mặt tiền Tòa Thánh, trên lầu HTĐ.

GIẢI THÍCH:

* **Nhơn:** lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh. **Bố:** bày ra. **Tứ phương:** bốn phương, ý nói khắp các nơi. **Dĩ:** lấy. **Hưng:** làm cho thành vượng. **Xã Tắc:** Thần Đất và Thần Lúa, nghĩa thường dùng, xã tắc là quốc gia.

C.1: Lòng Nhơn đem rải khắp bốn phương, ĐĐTKPĐ lấy Nhơn làm hưng thịnh nước nhà.

* **Nghĩa:** những việc làm hợp lẽ phải, hợp lòng người. **Ban:** cấp cho. **Vạn đại:** muôn đời. **Tam kỳ:** lần ba,

chỉ ĐĐTKPĐ. **Trọng:** nặng. **Chấn:** nhắc lên. **Sơn hà:** núi sông, chỉ quốc gia.

C.2: Điều Nghĩa ban cho muôn đời, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xem trọng điều Nghĩa để làm hưng khởi nước nhà.

Tôn chỉ của Nho giáo là NHƠN và NGHĨA. Đạo Cao Đài, với chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, nên lấy hai chữ NHƠN NGHĨA làm tiêu chuẩn cho công cuộc chuyển thế, biến đời hung dữ bạo tàn thành đời thuần lương Thánh đức.

Do đó, nơi mặt tiền của Tòa Thánh Tây Ninh, trên lầu Hiệp Thiên Đài, có đắp hai chữ NHƠN NGHĨA bằng Hán văn thật lớn, có bông đèn ống cháy sáng rực vào ban đêm trong các ngày lễ lớn.

8. Đôi Liên Pháp Chánh.

C.1: Pháp luật vô tư đạo giáo từ oai tòng lý.

C.2: Chánh tông bất dịch chơn truyền thiện ác tùy hình.

(2)

正宗不易真傳善惡隨刑

(1)

法律無私道教慈威從理

Đôi liên này đặt tại cổng của Văn phòng Bộ Pháp Chánh HTĐ. Pháp Chánh là pháp luật qui định việc thi hành Chánh Đạo.

Bộ Pháp Chánh là cơ quan tư pháp trung ương có nhiệm vụ gìn giữ luật pháp Đạo, không cho Chức sắc và tín đồ vi phạm, để phẩm giá được nâng cao. Do đó, Bộ Pháp Chánh tổ chức các tòa án Đạo để xử trị người vi phạm luật pháp Đạo.

GIẢI THÍCH:

* **Vô tư:** không thiên vị ai cả.

Đạo giáo: tôn giáo. **Từ:** lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới và muốn giúp kẻ dưới. **Oai:** vẻ nghiêm

trang đáng kính sợ. **Tùy:** theo. **Lý:** lẽ phải.

C.1: *Pháp luật của tôn giáo thì vô tư, nhưn từ, oai nghiêm, tòng theo lẽ phải.*

* **Chánh:** ngay thẳng, chánh đáng. **Tông:** cũng đọc **Tôn:** tôn giáo. **Bất dịch:** không thay đổi. **Chơn truyền:** giáo lý chơn thật được truyền lại. **Thiện ác:** lành dữ. **Tùy hình:** tùy theo mức độ mà có hình phạt nặng nhẹ thích đáng.

C.2: *Chơn truyền của một nền tôn giáo chơn chánh thì không thay đổi, việc lành việc dữ tùy theo mức độ mà có hình phạt nặng nhẹ thích đáng.*

9. Đôi Liễn Phạm Môn.

C.1: Phạm giáo tùy nguơn cứu thế độ nhơn hành chánh pháp.

C.2: Môn quyền định hội trừ tà diệt mị hộ chơn truyền.

(2)

門
權
定
會
除
邪
滅
魅
護
眞
傳

(1)

梵
教
隨
元
救
世
度
人
行
正
法

Đôi liễn này đặt tại cổng của Hộ Pháp Đường thường gọi là đôi liễn Phạm Môn, vì có hai chữ đầu là PHẠM MÔN. Đôi liễn này cũng thấy treo phía sau ba cái ngai của Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh tại Tòa Thánh.

Đôi liễn Phạm môn biểu thị tôn chỉ của Phạm Môn: Cửa Phật.

GIẢI THÍCH:

* **Phạm:** Phật. Lưu ý: Chữ Phạm 梵 là Phật, khác với chữ Phạm 范 là họ Phạm. **Giáo:** dạy. **Tùy:** theo. **Nguơn:** chữ Nguơn của câu 1 đối với chữ Hội của câu 2. Nguơn Hội là chỉ những khoảng thời gian dài. Theo Nho giáo của Trần Trọng Kim:

1 Nguơn = 12 Hội.

1 Hội = 30 Vận.

1 Vận = 12 Thế.

1 Thế = 30 năm.

Cứu thế: cứu đời. **Độ nhơn:** cứu giúp người đời. **Hành:** làm. **Chánh pháp:** giáo lý chơn chánh.

C.1: Phật dạy, tùy theo thời gian mà cứu độ người đời, thực hành chánh pháp.

* **Môn:** cửa, chỉ cửa Đạo. **Quyền:** quyền hành.
Trừ tà diệt mị: diệt trừ tà mị yêu quái. **Hộ:** bảo vệ che
chở. **Chơn truyền:** giáo lý chơn thật truyền lại.

C.2: Quyền hành nơi cửa Đạo là định ra cái
khoảng thời gian để diệt trừ tà mị yêu quái, bảo hộ chơn
truyền.

10. Đôi Liên Hộ Pháp Đường.

C.1: Hộ chấp Thiên cơ quản suất Càn khôn an thế giới.

C.2: Pháp quyền xử định hòa bình thiên hạ tổng hoàn cầu.

(2)

法
權
處
定
和
平
天
下
總
寰
球

(1)

護
執
天
機
管
率
乾
坤
安
世
界

Hộ Pháp Đường là tòa nhà lớn dùng làm văn phòng làm việc của Đức Hộ Pháp.

Đôi liên này đặt ra để cảnh lên công của Hộ Pháp Đường, nhưng có lẽ vì hoàn cảnh và thời gian chưa thích hợp nên còn giữ lại, và dùng đôi liên Phạm Môn thế vào để đặt nơi công Hộ Pháp Đường.

GIẢI THÍCH:

* **Hộ:** che chở. **Chấp:** cầm giữ.

Thiên cơ: máy Trời, sự chuyển vận của các tinh cầu trong CKVT điều hòa như một bộ máy nên gọi là Thiên cơ. **Quản suất:** quản lý, cai quản. **Càn Khôn:** Càn là Trời, Khôn là Đất. Càn Khôn là

Trời Đất, thường nói là Càn khôn vũ trụ, Càn khôn thế giới. **An:** yên ổn.

C.1: Che chở và gìn giữ Thiên cơ, cai quản Càn khôn vũ trụ, làm cho thế giới an ổn.

* **Pháp:** pháp luật. **Quyền:** quyền hành. Pháp quyền là quyền hành chương quản pháp luật. **Xử định:** phán đoán và sắp đặt. **Thiên hạ:** dưới Trời, chỉ toàn thể Nhơn loại. **Tổng:** tóm gồm tất cả. **Hoàn cầu:** trái đất.

C.2: Quyền hành chương quản pháp luật, phán đoán và sắp đặt hòa bình cho nhơn loại trên khắp hoàn cầu.

11. Đôi Liên Vĩ Đại.

C.1: Đại đức từ bi thủy sáng hồng cơ chơn pháp
tuyên dương truyền chánh giáo.

C.2: Vĩ công cứu thế vĩn hoài minh huấn chúng
sinh sùng bái ngưỡng tôn sư.

(2)

偉
功
救
世
永
懷
明
訓
眾
生
崇
拜
仰
尊
師

(1)

大
德
慈
悲
始
創
弘
基
眞
法
宣
揚
傳
正
教

Đôi liên này đặt trên lầu Hộ Pháp Đường, trước bàn thờ Đức Phạm Hộ Pháp.

GIẢI THÍCH:

* **Đại đức:** cái đức lớn. **Từ bi:** lòng thương yêu chúng sanh, muốn chúng sanh an vui và hết khổ. **Thủy:** khởi đầu. **Sáng:** gây dựng lên. **Hoành:** to lớn. **Cơ:** nền tảng. **Chơn pháp:** giáo lý chơn thật. **Tuyên:** nói rõ ra trước mọi người. **Dương:** đưa lên cao. **Truyền:** lan rộng ra. **Chánh giáo:** tôn giáo chơn chánh.

C.1: Đức từ bi lớn, đầu tiên gây dựng lên nền tảng rộng lớn cho giáo lý chơn thật, tuyên dương và truyền bá mới Đạo chơn chánh.

* **Vĩ công:** công lao to lớn. **Cứu thế:** cứu đời. **Vĩn:** lâu dài. **Hoài:** nhớ. **Minh:** sáng, rõ ràng. **Huấn:** dạy bảo. **Chúng sanh:** nhơn sanh. **Sùng bái:** kính phục tôn thờ. **Ngưỡng:** trông lên

với lòng tôn kính. **Tôn sư:** vị thầy đáng kính.

C.2: Công lao to lớn trong việc cứu đời, ghi nhớ lâu dài những lời giáo huấn rõ ràng, nhơn sanh kính phục tôn thờ, chiêm ngưỡng đáng tôn sư.

12. Đôi Liên Bát Quái.

C.1: Bát phẩm chơn hồn tạo thế giới hóa chúng sanh vạn vật hữu hình tùng thủ Đạo.

C.2: Quái hào bác ái định Càn khôn phân đẳng cấp nhứt Thần phi tướng trị kỳ Tâm.

(2)

卦爻博愛定乾坤分等法一神非相治其心

(1)

八品真魂造世界化眾生萬物有形從此道

Hai câu liên này được đặt phía trước Báo Ân Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Bát phẩm chơn hồn:** nói tắt là Bát hồn, tức là 8 bậc tiến hóa của linh hồn, từ thấp lên cao là: Vật chất kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. **Tạo:** làm ra. **Thế giới:** chỉ cõi trần, cõi của nhơn loại. **Hóa:** sanh ra. **Chúng sanh:** các loài có sự sống, gồm: Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, và Nhơn loại. **Vạn vật:** muôn vật, tất cả các vật trong Càn khôn vũ trụ. **Hữu hình:** có hình thể thấy được, sờ được. **Tùng:** theo. **Thủ:** cái này.

ĐẠO: chữ Đạo ở đây có ý nghĩa theo Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử. Đạo là cái nguyên lý sanh ra vũ trụ và vạn vật. Mọi vật đều do Đạo mà sanh ra và lớn lên. Theo triết lý của Đạo Cao Đài, ĐẠO là Hư Vô chi Khí.

C.1: Tám phẩm chơn hồn tạo nên thế giới và hóa thành chúng sanh, vạn vật hữu hình đều tùng theo cái ĐẠO này.

Phần đầu của câu liền 1 có ý nghĩa giống câu kinh trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh: Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh, nghĩa là: Đức Phật Mẫu vận chuyển đem Tám phẩm chơn hồn hóa thành chúng sanh nơi cõi trần.

* **Quái Hào:** quái là quẻ. Quẻ Càn ☰ gồm có 3 vạch liền, mỗi vạch được gọi là một Hào. Quẻ Khôn ☷ có 3 vạch đứt, mỗi vạch đứt cũng được gọi là một Hào. Vạch liền là Hào dương, vạch đứt là Hào âm. Sự kết hợp của các Hào âm dương tạo thành các Quẻ. Quái hào là chỉ chung các quẻ và các hào trong Bát Quái. Người phát minh ra Quái Hào là vua Phục Hy. Ngài dùng Quái Hào tạo thành Bát Quái Tiên Thiên, để giải thích sự hình thành Càn Khôn Vũ trụ bằng hai nguyên lý Âm Dương do Thái Cực biến hóa phân ra.

Bác ái: bác là rộng, ái là thương yêu. Bác ái là lòng thương yêu bao la. Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn mình, cho nên, kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ hơn mây lông mà coi thiên hạ nặng bằng trời đất. (TNHT) **Định:** sắp đặt. **Càn Khôn:** hai quẻ trong Bát Quái, Càn tượng trưng Trời, Khôn tượng trưng Đất. Càn Khôn là trời đất, tức là vũ trụ, nên thường nói Càn khôn Vũ trụ. **Phân:** chia ra. **Đặng:** nhiều bực.

PHÁP: theo nghĩa tổng quát, tất cả những gì có thật hay hư ảo, hữu hình hay vô hình, tâm hay vật, đều gọi là Pháp.

Thần: linh hồn, chơn linh. **Nhứt Thần:** một Thần duy nhứt. **Phi tướng:** không hình tướng, đồng nghĩa với vô hình. **Nhứt Thần phi tướng:** duy có một Chơn linh vô hình. Đối với con người, Nhứt Thần phi tướng chính là Chơn linh của mỗi người, nó vô hình vô ảnh, vì nó chính là Điểm Linh quang của Đấng Thượng Đế ban cho mỗi người để làm chủ con người. Đối với Càn Khôn Vũ trụ, Nhứt Thần phi tướng là Thái cực, là Đại hồn, là Khối Đại Linh quang của Thượng Đế.

Trị: sắp đặt cho yên. **Kỳ:** cái ấy. **Tâm:** cái Tâm. Đối với con người, Tâm vốn lành nên gọi là Lương tâm, khi làm điều gì sai quấy thì Lương tâm cắn rứt. **Trị kỳ tâm:** trị yên cái Tâm, tức là làm chủ cái Tâm. Cái Thần phải làm chủ cái Tâm.

C.2: Trong sự tạo hóa Càn khôn vũ trụ, Đấng Thượng Đế dùng luật Thương yêu, sắp đặt mọi vật của Càn khôn Vũ trụ, phân chia ra nhiều thứ bậc cao thấp khác nhau, chỉ duy có một Chơn linh vô hình làm chủ cái Tâm.

13. Đôi Liên Báo Ân Từ.

C.1: Báo đấng Thánh danh hương hỏa thiên thu phụng tự.

C.2: Ân di thể đại uy linh vạn cổ lưu tồn.

(2)

恩
遺
世
大
威
靈
萬
古
留
存

(1)

報
得
聖
名
香
火
千
秋
奉
祀

Đôi liên này đặt tại cổng Báo Ân Từ thờ Báo Ân Từ còn làm bằng cây ván.

Báo Ân Từ là đền thờ các bậc tiền bối có đại công với Đạo và cũng là nơi thờ phượng các vĩ nhân có công nghiệp lớn với nhân loại. Hiện nay, Hội Thánh chưa cất được Điện Thờ Phật Mẫu Trung ương, nên dùng Báo Ân Từ làm đền thờ tạm Đức Phật Mẫu.

GIẢI THÍCH:

* **Báo:** đáp lại. **Đức:** được.

Thánh danh: tên Thánh, chỉ những người có công nghiệp lớn đối với Đạo được công nhận đứng vào bậc Thánh.

Hương: cây nhang. **Hỏa:** lửa, chỉ cây đèn. Hương hỏa là nhang đèn, chỉ sự thờ cúng. **Thiên thu:** một ngàn mùa thu, tức là ngàn năm. **Phụng:** phục vụ. **Tự:** cúng tế.

C.1: Báo đáp được các bậc Thánh, ngàn năm thờ phượng cúng tế.

* **Ân:** ơn. **Di:** lưu lại. **Ân di:** cái ơn lưu lại cho đời sau. **Thế:** đời. **Đại:** đời. **Thế đại:** đời đời. **Uy linh:** oai nghiêm và thiêng liêng. **Vạn cổ:** muôn xưa, chỉ thời gian rất lâu, đồng nghĩa với Thiên cổ: ngàn xưa. **Lưu:** để lại. **Tồn:** còn.

C.2: Cái ơn lưu lại đời đời về sau, cái oai linh mãi mãi được lưu truyền tồn tại.

14. Đôi Liễn Báo Ân Từ (*).

C.1: Báo đáp chí công tiền bối khai cơ Thiên đạo
lưu truyền thiên vạn đại.

C.2: Ân từ đại đức hậu nhơn thừa kế tôn sùng
chánh giáo thất ức niên.

(2)

恩
祠
大
德
後
人
承
繼
尊
崇
正
教
七
億
年

(1)

報
答
至
功
前
輩
開
基
天
道
留
傳
千
萬
代

Đôi liễn này đặt tại 2 cây cột trước bàn thờ Phước Lộc Thọ nơi Hậu Điện Báo Ân Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Báo đáp:** đền đáp. **Chí:** lớn. **Công:** công đức, công nghiệp. **Chí công:** công nghiệp ớn. **Tiền bối:** những người được kính phục trong các thế hệ trước. **Khai:** mở ra. **Cơ:** nền tảng. **Thiên đạo:** Đạo Trời, đó là Đạo Cao Đài. **Lưu truyền:** truyền lại đời sau. **Đại:** đời. **Thiên vạn đại:** ngàn muôn đời.

C.1: Đền đáp công nghiệp lớn lao của các bậc tiền bối đã mở ra nền tảng Đạo Cao Đài để truyền lại muôn đời về sau.

* **Ân:** công ơn. **Từ:** nhà thờ. **Đại đức:** đức lớn. **Hậu nhơn:** người sau, người thuộc các thế hệ sau. **Thừa kế:** hưởng của người trước để lại. **Tôn sùng:** kính trọng đến mức thờ phụng. **Chánh giáo:** tôn giáo chọn chánh. Thất

ức niên: 700.000 năm.

C.2: Đền thờ những vị có công ơn lớn, người sau thừa kế, tôn sùng nền Đạo chọn chánh đến 700.000 năm.

GHI CHÚ (*): Đôi liên này do ông Nguyễn Phước Thiện (đã qui liễu) làm sẵn đem vào hiến Báo Ân Từ vào năm 1993. Đôi liên này đôi không chính, lại thất niêm: chữ THIÊN ĐẠO không đối với TÔN SÙNG, chữ LƯU TRUYỀN không đối với CHÁNH GIÁO, thất niêm chỗ chữ ỨC, phải là BẰNG, để đối với chữ VẠN là Trắc.

15. Đôi Liên Phước Thiện (1).

C.1: Phước đức Thiên ban vạn vật chúng sanh ly khổ kiếp.

C.2: Thiện duyên Địa trữ thập phương chư Phật hiệp nguyên nhân.

(2)

善
緣
地
貯
十
方
諸
佛
合
元
人

(1)

福
德
天
頒
萬
物
眾
生
離
苦
劫

Đôi liên này đặt tại cổng vào Văn phòng Hội Thánh Phước Thiện. Phước Thiện là cơ quan tận độ chúng sanh, cốt mở đường Thánh đức cho chúng sanh có đủ phương thế nhập vào Thánh thể của Đức Chí Tôn. Phước Thiện còn là cơ quan bảo tồn, tế khố phò nguy, giúp đỡ cho đời bớt khổ.

GIẢI THÍCH:

* **Phước:** điều may mắn tốt lành. **Đức:** kết quả của những việc làm lành, giúp người giúp đời. **Thiên ban:** Trời ban cho. **Ly:** chia cách. **Khổ kiếp:** kiếp sống khổ nhọc.

C.1: Trời ban phước đức cho vạn vật và chúng sanh thoát ly khỏi kiếp sống khổ nhọc.

* **Thiện duyên:** duyên lành. **Địa trữ:** đất chứa. **Thập phương chư Phật:** các vị Phật ở 10 phương, tức là ở khắp nơi trong vũ trụ. **Hiệp:** hợp lại. **Nguyên nhân:** những người mà chơn linh được sanh ra từ lúc Khai Thiên. Đức Phật Mẫu cho 100 ức (10 triệu) nguyên non giáng trần khai hóa nhơn loại, làm xong nhiệm vụ thì phải trở về, nhưng 100 ức nguyên nhân bị nhiễm trước trần không trở về được. Đức Chí Tôn mở Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ chỉ độ được 8 ức nguyên non trở về, còn lại 92 ức đang chìm đắm nơi cõi trần. Đức Chí Tôn

lại mở ĐĐTKPĐ cũng là đề tậ̣n đ̣ộ 92 ự́c nguyên nhon̄ còn lại này.

C.2: Đ̄t chứa duyên lành, chư Phật mười phương đ̄o các nguyên nhon̄ hội hiệp trở về.

16. Đôi Liên Phước Thiện (2).

- C.1:** Phước đức tu tâm lạc đạo hòa nhơn tâm địa lợi,
C.2: Thiện từ định tánh an bản hiệp chúng thức thiên thời.

(2)

善
慈
定
性
安
貧
合
眾
識
天
時

(1)

福
德
修
心
樂
道
和
人
尋
地
利

GIẢI THÍCH:

* **Phước:** điều may mắn tốt lành. **Đức:** kết quả của những việc làm lành, giúp người giúp đời. **Tu tâm:** sửa lòng, sửa lòng cho trong sạch thanh cao. **Lạc đạo:** vui vẻ trong con đường Đạo, tức là vui vẻ với công việc tu hành. **Hòa nhơn:** thuận hòa cùng mọi người. **Tâm:** tìm kiếm. **Địa lợi:** cái lợi ích về hình thể của đất đai.

C.1: Tu tâm để tạo phước đức, vui vẻ sống trong con đường đạo, thuận hòa cùng mọi người để được nhơn hòa, rồi tìm kiếm địa lợi.

* **Thiện:** lành. **Từ:** lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới.

Định tánh: gìn giữ cái tánh cho tốt lành như thuở mới được sanh ra. (Nhơn chi sơ tánh bản thiện). **An bản:** an phận trong cảnh nghèo. **Hiệp chúng:** hợp cùng mọi người. **Thức:** biết. **Thiên thời:** thời vận của Trời.

C.2: Giữ tánh cho được lương thiện, nhơn từ, an phận sống trong cảnh nghèo nàn, hiệp cùng mọi người, biết được thời Trời.

Một công trình, dù lớn hay nhỏ, muốn đạt được thành công một cách chắc chắn thì phải có đủ ba yếu tố: Thiên thời, Địa lợi, Nhơn hòa.

17. Đôi Liên Văn Phòng Tộc Đạo Phước Thiện.

- C.1:** Tộc chúng phước duyên lập đức bồi công hòa đại chúng,
C.2: Đạo gia hành thiện tu chơn dưỡng tánh hộ quần sanh.

(2)

道
家
行
善
修
真
養
性
護
群
生

(1)

族
種
福
緣
立
德
培
功
和
大
眾

Thuở trước Đức Hộ Pháp chưa lập Hội Thánh Phước Thiện, trong Nội Ô có xây dựng Văn phòng Tộc Đạo PT.

GIẢI THÍCH:

* **Tộc chúng:** chủng tộc, nòi giống. **Phước:** điều may mắn tốt lành. **Duyên:** sự ràng buộc có được do những việc làm từ kiếp trước. **Tộc chúng phước duyên:** ý nói: Dân tộc VN hưởng được cái phước và cái duyên lành là được Đức Chí Tôn chọn lựa để gieo truyền ĐĐTKPĐ. **Bồi công:** vun đắp công quả. **Đại chúng:** đa số dân chúng.

C.1: Dân tộc VN là chủng tộc phước duyên, lo lập đức bồi công, hòa hợp cùng dân chúng.

* **Đạo gia:** nhà đạo, người có đạo. **Hành thiện:** làm lành, giúp người giúp đời. **Tu chơn:** tu một cách thành thật, không vì áo mũ quyền hành, chỉ cầu giải thoát khỏi luân hồi, trở về cõi TLHS. **Dưỡng tánh:** nuôi cái tánh cho được lành như thuở mới sanh ra. (Nhơn chi sơ, tánh bản thiện). **Hộ:** che chở. **Quần sanh:** chúng sanh, dân chúng.

C.2: Người có đạo nên làm việc phước thiện, tu chơn dưỡng tánh, che chở cho nhơn sanh.

18. Đôi Liễn Hội Thánh Hàm Phong.

C.1: Thánh Hội niên cao cố vấn Cứu Trùng tâm
bất quyện.

C.2: Hàm Phong đức thiệu chấp trung nhưt quán
vị hà ưu.

(2)

銜封德邵執中一貫位何憂

(1)

聖會年高顧問九重心不倦

Đôi liễn này đặt tại cổng vào Văn phòng Hội Thánh Hàm Phong. Hội Thánh Hàm Phong gồm những Chức sắc lớn tuổi, không còn đủ sức khỏe đi hành Đạo, đã được Hội Thánh cho nghỉ hưu.

GIẢI THÍCH:

* **Thánh Hội:** Hội Thánh. **Niên cao:** lớn tuổi. **Cố vấn:** bàn luận và giúp ý kiến giải quyết. **Cứu Trùng:** Cứu Trùng Đài, cơ quan phổ độ và giáo hóa nhơn sanh. **Tâm:** lòng dạ. **Bất quyện:** không mệt mỏi, không chán nản.

C.1: Những Chức sắc lão thành của Hội Thánh trở lại làm cố vấn cho Cứu Trùng Đài, lòng không mỏi.

* **Hàm phong:** Chức sắc lớn tuổi nghỉ hưu, vẫn giữ phẩm tước nhưng không cầm quyền hành đạo. **Thiệu:** cao. **Đức thiệu:** đạo đức cao. **Niên cao đức thiệu:** tuổi già đức cao. **Chấp trung:** giữ chặt đạo Trung Dung. **Nhứt quán:** hay Quán nhưt, tức là Nhưt dĩ quán chi, nghĩa là: một sợi dây mà xâu được nhiều thứ, ý nói: Trước sau giữ lấy một lẽ mà thấu suốt mọi việc. **Chấp trung quán nhưt:** Đây là câu nói tóm hết cái Đạo của Đức Khổng Tử, là giữ vững đạo Trung Dung, lấy một lẽ mà thấu suốt mọi việc. **Vị:** ngôi vị. **Hà:** chữ dùng để hỏi. **Ưu:** lo lắng. **Hà ưu:** lo gì ?

C.2: Những Chức sắc Hàm Phong đức cao, giữ đúng theo đạo của Đức Khổng Tử, lo gì không đạt được ngôi vị.

19. Đôi Liên Phổ Tế.

C.1: Phổ hóa chúng sanh cải ác tùng lương qui Đại Đạo.

C.2: Tế nguy vạn loại khử tà tôn chánh hiệp Tam Kỳ.

(2)

濟
危
萬
類
去
邪
尊
正
合
三
期

(1)

普
化
眾
生
改
惡
從
良
歸
大
道

Đôi liên này đặt tại cổng vào Văn phòng Cơ quan Phổ Tế. Cơ quan Phổ Tế là một cơ quan của Cửu Trùng Đài, có nhiệm vụ cứu vớt, độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng an ủi khuyên lơn những kẻ bị luật pháp buộc ràng mà phé vong phận sự, hay là độ những kẻ hữu công tâm đạo.

GIẢI THÍCH:

* **Phổ:** bày ra khắp nơi. **Hóa:** giáo hóa, dạy dỗ cho biến đổi từ xấu trở nên tốt. **Chúng sanh:** ở đây có nghĩa là nhơn sanh. **Cải:** sửa đổi. **Cải ác:** sửa đổi để không làm điều ác nữa. **Tùng lương:** theo điều lành. **Qui:** trở về. **Đại Đạo:** ĐĐTKPĐ.

C.1: Giáo hóa nhơn sanh khắp nơi, sửa đổi không làm điều ác, tùng theo điều lành, trở về nền Đại Đạo.

* **Tế:** cứu giúp. **Nguy:** hiểm nghèo. **Vạn loại:** muôn loài. **Khử tà:** trừ bỏ điều tà vạy. **Tôn chánh:** giữ cho còn điều chánh đáng. **Hiệp:** hợp vào. **Tam Kỳ:** lần ba, chỉ ĐĐTKPĐ.

C.2: Cứu giúp điều nguy khốn cho muôn loài, trừ bỏ điều tà vạy, giữ cho còn điều chánh đáng, hợp vào Đạo Cao Đài.

20. Đôi Liễn Tông Đạo Tần Nhơn.

- C.1:** Tông đạo đồng môn tích nhứt khai lâm thành thành Thánh vực,
C.2: Tần nhơn hiệp chủng kim triêu hướng thiện hướng Thiên ân.

(2)

秦人合種
今朝向善
享天恩

(1)

宗道同門
昔日開林
成聖域

Tần nhơn là người Cao Miên, ngày nay gọi là người Campuchia, vì họ cho rằng nguồn gốc của dân tộc họ là người nước Tần bên Tàu sang lập nghiệp.

Tông đạo Tần nhơn gồm tất cả người Cao Miên theo đạo Cao Đài, có lập một Văn phòng thường trực trong Nội Ô Tòa Thánh, và nơi công vào Văn phòng có đặt đôi liễn này.

GIẢI THÍCH:

* **Tông đạo:** tất cả tín đồ Cao Đài trong một nước họp thành một Tông đạo. **Đồng môn:** cùng ở trong một cửa đạo, tức là cùng chung một tôn giáo. **Tích nhứt:** ngày xưa. **Khai lâm:** khai phá rừng. **Thành:** trở nên. **Vực:** cũng đọc Vực, nghĩa là khu vực. **Thánh vực:** vùng đất Thánh, Thánh địa.

C.1: Những tín đồ Cao Đài trong Tông đạo Tần nhơn, ngày xưa, đã khai phá rừng mở mang khu vực này thành vùng Thánh địa.

* **Tần nhơn:** người Cao Miên. **Hiệp:** họp vào. **Chủng:** giống nòi, chủng tộc. **Kim triêu:** ngày nay. **Hướng thiện:** hướng về điều lành để lo làm lành. **Thiên ân:** ơn Trời.

C.2: Người Cao Miên hợp cùng chủng tộc của họ, ngày nay hướng về điều lành, sẽ hưởng được ơn huệ của Đức Chí Tôn ban cho.

21. Đôi Liên Tông Đạo Kim Biên.

C.1: Tàn quốc lân bang phổ độ chúng sanh qui thiện giáo.

C.2: Kim Biên Tông đạo ngoại giao dân tộc chánh nhơn tâm.

(2)

金邊宗道外交民族正人心

(1)

秦國鄰邦普度眾生歸善教

Nước Cao Miên (Campuchia) có thủ đô là Phnom-Pênh, phiên âm là Nam-Vang, trong đạo gọi là Kim-Biên, và nước Cao Miên được gọi là Tàn quốc, người Cao Miên được gọi là Tàn nhơn.

Sau khi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn từ chức Chương Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo, Đức Phạm Hộ Pháp giải tán Hội Thánh Ngoại Giáo và thành lập Tông đạo Kim Biên tại Nam Vang.

Tông đạo Kim Biên có Văn phòng thường trực trong Nội Ô, kế bên Tông đạo Tàn nhơn, và nơi cổng có đặt đôi liễn nêu trên.

GIẢI THÍCH:

* **Tàn quốc:** nước Cao Miên.

Lân bang: nước láng giềng với Việt Nam. **Phổ độ chúng sanh:** cứu giúp nhơn sanh khắp nơi. **Thiện giáo:** tôn giáo lành.

C.1: Nước Cao Miên láng giềng với Việt Nam, cứu giúp nhơn sanh khắp nơi trở về nền tôn giáo tốt lành.

* **Ngoại giao:** Thuở xưa, Hội Thánh Ngoại Giáo được đọc lầm là Hội Thánh Ngoại Giao, nên chữ Ngoại Giao trong câu liễn này phải được hiểu là Ngoại Giáo, nghĩa là: Dạy đạo cho người ngoại quốc, tức là phổ độ

người ngoại quốc theo Đạo Cao Đài. **Chánh:** ngay thẳng.
Nhơn tâm: lòng người.

C.2: *Tông đạo Kim Biên phổ độ các dân tộc ngoại quốc, làm cho chơn chánh lòng người.*

22. Đôi Liên Lễ Viện.

- C.1:** Lễ giáo pháp điều bác ái đại đồng hòa thiện tâm năng độ chúng.
- C.2:** Viện tòng Thiên đạo từ bi vạn loại hiệp nhứt trí hộ nhơn sanh.

(2)

院從天道慈悲萬類合一智護人生

(1)

禮教法條博愛大同和善心能度眾

Đôi liên này đặt trước Văn phòng Lễ Viện Cửu Trùng Đài. Lễ Viện là một Viện trong Cửu Viện, có nhiệm vụ coi về nghi lễ của đạo.

GIẢI THÍCH:

* **Lễ giáo:** lễ nghi và giáo dục.
Pháp điều: những điều khoản pháp luật. **Bác ái:** lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh. **Đại đồng:** không phân biệt giai cấp, chủng tộc, quốc gia, mọi người đều sống bình đẳng, tự do, hạnh phúc như nhau. **Hòa:** cùng ăn nhịp với. **Thiện tâm:** lòng lành. **Năng:** có khả năng làm được. **Độ chúng:** cứu giúp nhơn sanh.

C.1: Lễ nghi, giáo dục, pháp luật, bác ái, đại đồng, cùng với tâm lòng lành, có khả năng cứu độ nhơn sanh.

* **Viện:** cơ quan lớn. **Tòng:** theo. **Thiên đạo:** Đạo Trời, Đạo Cao Đài. **Từ bi:** lòng thương yêu chúng sanh và muốn giúp chúng sanh thoát khổ. **Vạn loại:** muôn loài vật. **Hiệp:** Hợp, hòa hợp. **Nhứt trí:** sự hiểu biết thông nhứt, tức là đồng một ý kiến. **Hộ:** che chở giúp đỡ.

C.2: Viện tùng theo đạo Trời, lòng từ bi thương yêu vạn loại, hợp với sự hiểu biết thông suốt, che chở giúp đỡ nhơn sanh.

23. Đôi Liên Y Viện.

C.1: Y thuật Kỳ Hiên diệu dược hạnh lâm trừ vạn bệnh.

C.2: Viện đường thâm võ lộ tế nonh công đức phục hồi xuân.

(2)

院
堂
深
雨
露
濟
人
功
德
復
回
春

(1)

醫
業
術
岐
軒
妙
藥
杏
林
除
萬
病

Đôi liên này đặt tại cổng của Y Viện Phước Thiện. Y Viện là một Viện trong Cửu Viện, có nhiệm vụ nghiên cứu tìm kiếm cách chữa bệnh, thuốc trị bệnh, và săn sóc sức khỏe cho các Chức sắc và các nhân viên công quả.

GIẢI THÍCH:

* **Y:** chữa bệnh. **Nghệp:** nghề nghiệp. **Thuật:** phương pháp, nghệ thuật. **Kỳ Hiên:** Kỳ Bá và Hiên Viên Huỳnh Đế, là hai ông tổ của nghề Y thuật nước Tàu. **Diệu dược:** thuốc rất hay. **Hạnh lâm:** rừng cây hạnh. Xưa, ông Đông Phụng nước Tàu, trị bệnh không lấy tiền. Để tỏ lòng biết ơn ông thầy thuốc, mỗi người bệnh đem đến một cây hạnh trồng quanh nhà ông, dần dần tạo thành một rừng hạnh. Do đó, chữ Hạnh lâm dùng để kính xưng ông thầy thuốc nonh đức và tài giỏi. **Trừ:** làm tiêu mất. **Vạn bệnh:** muôn chứng bệnh.

C.1: Nghề chữa bệnh, phương pháp chữa bệnh của hai ông tổ Kỳ Bá và Hiên Viên, thuốc hay của người thầy thuốc giỏi trị lành các thứ bệnh.

* **Viện:** cơ quan lớn. **Thâm:** sâu, nhiều. **Võ lộ:** mưa móc. **Thâm võ lộ:** ý nói được hưởng nhiều ơn huệ.

Tế non: giúp người. **Phục hồi:** trở lại. **Xuân:** tuổi trẻ, ý nói mạnh khỏe như lúc tuổi trẻ.

C.2: *Viện đường, được hưởng nhiều ơn huệ, giúp người, tạo công đức, làm cho hồi phục sức khỏe như lúc tuổi trẻ.*

24. Đôi Liễn Khách Đình (1).

C.1: Khách quán từ bi trừ trái chủ.

C.2: Đình thuyền Bát Nhã độ mê tân.

(2)

停
船
般
若
渡
迷
津

(1)

客
館
慈
悲
除
債
主

Đôi liễn này đặt nơi mặt trước cửa Khách đình. Khách đình là cái nhà trạm dừng làm chỗ dừng chân cho các khách lữ hành đang tranh đua danh lợi trên các nẻo đường trần. Khách trần chỉ dừng chân khi tắt hơi. Do đó, Khách đình là nơi để làm tang lễ cho các khách trần khi tắt hơi. Khách trần là những người khách từ cõi thiêng liêng xuống cõi trần để học hỏi tiến hóa và lập công quả.

GIẢI THÍCH:

* **Khách quán:** quán trọ của khách trần. **Trừ:** làm mất đi. **Trái chủ:** người chủ nợ, người cho vay. Nợ này là nợ oan nghiệt. Mình làm cho người ta đau khổ oán giận, tức là mình đã vay một món nợ oan nghiệt. Người ta là chủ nợ (trái chủ), còn mình là con nợ. Đến một lúc nào đó, chủ nợ đòi nợ thì mình phải trả theo đúng luật công bình.

C.1: Đây là quán trọ của khách trần, với lòng từ bi, trừ diệt hết các món nợ oan nghiệt.

* **Đình:** cái nhà trạm để khách bộ hành dừng chân nghỉ ngơi. Khi xưa, trên các đường bộ, cứ một khoảng ngắn người ta dựng một nhà trạm nhỏ, gọi là Đoàn đình, và cách khoảng khá xa dựng một nhà trạm lớn hơn gọi là Trường đình, để khách bộ hành dừng chân nghỉ mệt hay để đưa tiễn nhau. **Mê tân:** bến mê, cõi trần.

C.2: Đây là cái nhà trạm dừng chân của các khách trần, có chiếc thuyền Bát Nhã cứu giúp đưa qua khỏi bến mê.

CHÚ Ý: chữ Đình 亭 có nghĩa là cái đình; còn chữ Đình 停 có nghĩa là dừng lại.

25. Đôi Liễn Khách Đình (2).

C.1: Sanh dã tạo đắc thiện duyên.

C.2: Tử dã thoát ly quả kiếp.

(2)
死
也
脫
離
果
劫

(1)
生
也
造
得
善
緣

Đôi liễn này đặt tại cửa của Khách đình.

GIẢI THÍCH:

* **Sanh:** sống. **Dã:** vậy, vậy thì. **Tạo:** làm ra. **Đắc:** được. **Thiện duyên:** duyên lành, cái duyên tốt đẹp may mắn do nghiệp lành đem lại.

C.1: *Sống thì phải tạo được duyên lành.*

Ý nói: khi sống thì phải làm lành để tạo được duyên lành, mới hưởng quả lành về sau.

* **Tử:** chết. **Thoát ly:** lìa khỏi, thoát ra khỏi. **Quả kiếp:** cái kết quả là giàu sang hay nghèo khóu thể hiện ra trong kiếp sống hiện tại có nguyên do là những việc làm thiện hay ác trong kiếp sống trước, nay kiếp sống này nó báo đáp lại theo đúng luật Nhân quả. Nếu kiếp trước mình làm nhiều việc phước thiện (nhân lành) thì kiếp này mình hưởng được quả lành, tức là được giàu sang sung sướng.

C.2: *Chết thì thoát ly khỏi các nghiệp quả của kiếp sống.*

Muốn thoát khỏi các nghiệp quả trong kiếp sống hiện tại, để được rước về cõi Thiêng liêng, thì trong lúc còn sống khỏe mạnh, phải lo làm lành, lập công quả, bồi phước đức, kiên nhẫn trả hết các món nợ oan nghiệt cũ và nhứt định không gây ra các mối oan nghiệt mới, tức là phải nhập môn vào cửa đạo lo tu hành.

26. Đôi Liên Tổng Trạo.

C.1: Tổng đăng giác ngạn bạc long thuyền huy
tướng chấp đà siêu khổ hải,

C.2: Trạo tống nguyên nhơn hồi cựu vị đương
phong bột lãng hướng Thiên đường.

(2)

棹
送
元
人
回
舊
位
當
風
勃
浪
向
天
堂

(1)

總
登
覺
岸
泊
龍
船
揮
獎
執
柁
超
苦
海

Đôi liên này được đặt trước Văn phòng Ban Tổng Trạo thuộc Ban Nhà Thuyền.

Ban Nhà Thuyền là một ban chuyên môn cai quản Thuyền Bát Nhã, lo việc tần liệm, tống táng người chết. Ban Tổng Trạo là ban cai quản và huấn luyện các nhân viên Thuyền Bát Nhã.

GIẢI THÍCH:

* **Tổng:** đứng đầu chỉ huy. **Đăng:** lên đường. **Giác ngạn:** bờ giác, cũi của người đăc đạo. **Bạc:** cặp thuyền vào bờ. **Long thuyền:** thuyền rồng, đó là Thuyền Bát Nhã. **Huy:** dao động. **Tướng:** cái mái chèo. **Chấp:** giữ. **Đà:** cái lái thuyền. **Siêu:** vượt lên. **Khổ hải:** biển khổ.

C.1: Chỉ huy đi lên bờ giác, thuyền rồng cặp bến, huy động mái chèo, giữ vững lái thuyền, vượt qua biển khổ.

* **Trạo:** người chèo thuyền. **Tống:** đưa đi. **Nguyên nhơn:** người mà chơn linh được sanh ra từ lúc Khai Thiên. (Xem lại đôi liên 15). **Hồi:** quay về. **Cựu vị:** ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng. **Đương:** đang. **Phong:** gió. **Bột:** hốt nhiên. **Lãng:** sóng nước. **Thiên đường:** cõi Trời.

C.2: Trạo đưa nguyên nhơn trở về ngôi vị cũ, đang lúc sóng gió nổi thành linh, nhắm hướng đi đến cõi Trời.

27. Đôi Liễn Thuyền Bát Nhã (1).

C.1: Vạn sự viết vô nhục thể thổ sanh hườn tại thổ.

C.2: Thiên niên tự hữu linh hồn Thiên tứ phản hồi Thiên.

(2)

千年自有靈魂
天賜返回天

(1)

萬事曰無肉體
土生還在土

Đôi liễn này đặt ở mặt trước mũi thuyền Bát Nhã. Nguồn gốc của đôi liễn này do Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đặt ra. Ngài Bảo Pháp viết:

Đôi liễn này đặt ở mặt trước mũi thuyền Bát Nhã, có nguồn gốc do Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đặt ra. Ngài Bảo Pháp viết:

*Vạn sự viết vô, nhục thể ký qui tam
xích thổ,*

*Thiên niên tự hữu, linh hồn trực đảo
Cửu TrùngThiên.*

(Muôn việc đều không, xác thịt gởi trả về ba tác đất,
Ngàn năm tự có, linh hồn đi thẳng lên Chín Tầng Trời)

Đôi liễn của Ngài Bảo Pháp viết rất hay, đối rất chỉnh, nhưng khi dâng lên Đức Lý Giáo Tông, Ngài chỉnh lại mấy chữ sau thì lại càng tuyệt diệu hơn nữa:

*Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh hườn tại thổ,
Thiên niên tự hữu, linh hồn Thiên tứ phản hồi
Thiên.*

GIẢI THÍCH:

* *Viết vô*: gọi rằng không. *Vạn sự viết vô*: muôn sự đều không, ý nói: sắc tức thị không, mọi vật có hình thể cuối cùng đều bị hủy diệt để trở về không. *Nhục thể*:

xác thịt. **Thổ sanh:** đất tạo ra, bởi vì xác thịt này được nuôi dưỡng và lớn lên bằng các thực phẩm xuất phát từ đất, như các thứ ngũ cốc, rau đậu, ...

C.1: Muôn sự đều không, xác thịt do đất tạo ra, hườn lại đất.

* **Thiên niên:** ngàn năm. **Tự hữu:** tự có. **Linh hồn:** Điểm Linh quang do Đức Chí Tôn ban cho con người để làm chủ xác thân. **Thiên tứ:** Trời ban cho. **Phản hồi:** đi ngược trở về.

C.2: Ngàn năm tự có, linh hồn do Trời ban cho, trở về Trời.

28. Đôi Liên Thuyền Bát Nhã (2).

C.1: Hữu thể sanh nhi tùng tứ khổ.

C.2: Vô hình tử giả quá tam đồ.

(2)

無
形
死
者
過
三
途

(1)

有
體
生
而
從
四
苦

Đôi liên này đặt ở mặt sau mũi thuyền Bát Nhã. *Bát Nhã* là phiên âm chữ **Prajnâ**, nghĩa là trí huệ. Trí huệ là sự sáng suốt hiểu biết các lẽ nhiệm mầu của Đạo, dứt sự mê lầm. Người tu đạt được trí huệ thì đắc đạo. Thuyền Bát Nhã là chiếc thuyền trí huệ đưa người đắc đạo trở về cõi Thiêng liêng. Về Thể pháp, Đạo Cao Đài đóng một chiếc thuyền bằng gỗ, hình con rồng, chở quan tài người chết đem chôn nơi nghĩa địa. Vì thuyền Bát Nhã đi trên lộ nên phải gắn bánh xe phía dưới để kéo đi.

GIẢI THÍCH:

* **Hữu thể**: có thân thể. **Sanh**: sống. **Nhi**: mà. **Tùng**: theo. **Tứ khổ**: bốn cái khổ của con người nơi cõi trần không ai tránh khỏi: Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

C.1: Đã có được cái thân thể thì sống phải tùng theo Tứ khổ.

* **Vô hình**: không còn hình thể, tức là khi chết, thân thể thúi rã thành đất, chỉ còn lại linh hồn và chơn thần xuất ra khỏi thể xác, và ở trạng thái vô hình. **Tử**: chết. **Giả**: là. **Quá**: đi qua. **Tam đồ**: ba đường. Theo Phật giáo, Tam đồ là 3 đường ác của luân hồi: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Những linh hồn tội lỗi bị đọa vào 1 trong 3 đường này thì chịu khổ sở vô cùng. Đọa vào Địa ngục thì bị trừng phạt khổ sở, đọa vào Ngạ quỷ thì bị đói khát, đọa vào Súc sanh thì làm cầm thú.

C.2: Chết thì thân thể tan rã tiêu mất, linh hồn vượt qua khỏi ba đường đọa đày khổ sở.

29. Đôi Liễn Đạo Đức Học Đường.

C.1: Đạo Đức lưu truyền hậu tấn hiếu trung phò
xã tắc.

C.2: Học đường giáo hóa thư sinh nhơn nghĩa lập
giang sơn.

(2)

學
堂
教
化
書
生
仁
義
立
江
山

(1)

道
德
留
傳
後
進
孝
忠
扶
社
稷

Đôi liễn này đặt tại cổng của trường Nghĩa thực Trung Tiểu học Đạo Đức Học Đường, do Hội Thánh lập ra trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh.

GIẢI THÍCH:

* **Lưu truyền:** lưu lại và truyền bá ra. **Hậu tấn:** lớp người sau, thế hệ sau. **Phò:** theo giúp đỡ. **Xã tắc:** Thần đất và Thần lúa, chỉ quốc gia.

C.1: Đạo Đức lưu truyền cho đoàn hậu tấn, lấy hai chữ hiếu trung lo giúp nước.

* **Học đường:** trường học. **Giáo hóa:** dạy bảo cho biến đổi từ dốt nát thành ra biết chữ nghĩa, từ xấu trở nên tốt. **Thư sinh:** học trò. **Nhơn:** lòng thương người mền vật, thương khắp

chúng sanh. **Nghĩa:** những việc làm cao thượng, đúng theo lẽ phải, hợp đạo lý. **Lập:** dựng nên. **Giang sơn:** sông núi, chỉ quốc gia.

C.2: Trường học giáo hóa học sinh, dùng hai chữ nhơn nghĩa xây dựng quốc gia.

30. Đôi Liên Lễ Nhạc Đường.

C.1: Lễ dĩ địa trần minh định nhơn gian tôn trật tự.

C.2: Nhạc do Thiên tác tuyên thông thế giới chủ điều hòa.

(2)

樂
由
天
作
宣
通
世
界
主
調
和

(1)

禮
以
地
陳
明
定
人
間
尊
秩
序

Lễ Nhạc Đường là văn phòng điều hành và huấn luyện các Nhạc sĩ và Lễ sĩ.

GIẢI THÍCH:

* **Lễ:** cách bày tỏ lòng kính trọng; các nghi thức cúng tế. **Dĩ:** lấy, dùng. **Địa:** đất. **Trần:** bày ra. **Minh:** sáng tỏ. **Định:** sắp đặt. **Nhơn gian:** nơi ở của nhơn loại, cõi trần. **Tôn:** kính trọng. **Trật tự:** sự sắp đặt có thứ tự theo một qui tắc như định.

C.1: Lễ lấy sự bày ra trên mặt đất mà chế thành, định rõ phẩm bậc con người nơi thế gian, kính trọng sự trật tự.

Thời xưa, bậc Thánh nhơn quan sát các sự vật tự nhiên bày ra trên mặt đất, thấy chúng có trật tự, ổn định phân minh, nên căn cứ vào đó mà chế ra Lễ làm cho xã hội loài người được hòa bình trật tự.

* **Nhạc:** sự hòa hợp các thứ âm thanh có tiết điệu tạo thành một bản nhạc nói lên ý nghĩa mà người đặt mong muốn. **Thiên tác:** Trời làm ra. **Tuyên:** bày tỏ ra cho mọi người biết. **Thông:** thông suốt. **Chủ:** chủ yếu. **Điều hòa:** đều đặn và hòa hợp.

C.2: Nhạc do Trời tạo ra, bày tỏ cho thế giới thông hiểu nhau, chủ yếu là sự điều hòa.

Xưa, bực Thánh nhơn nghe tiếng chim hót, tiếng côn trùng gáy, tiếng thông reo, tiếng sấm vang,... mà bắt chước làm ra các loại nhạc khí hòa vào nhau tạo thành các bản nhạc.

LỄ chủ về sự Kinh, NHẠC chủ về Hòa. Nhạc Lễ phải đi đôi và bổ khuyết cho nhau mới tạo được sự điều hòa trật tự tốt đẹp.

31. Đôi Liễn Cơ quan Phát Thanh.

C.1: Cơ quan truyền tín tổng hợp ngũ hồ thiên hạ sự,

C.2: Phát thanh giáo lý cộng hòa tứ hải thế gian tình.

(2)

發
聲
教
理
共
和
四
海
世
間
情

(1)

機
關
傳
信
總
合
五
湖
天
下
事

Đôi liễn này đặt tại cổng của Cơ quan Phát thanh Phổ thông Giáo lý, do ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại, Phó Giám đốc Cơ quan, đặt ra, dâng lên Ngài Khai Đạo Giám đốc Cơ quan, và Ngài Khai Đạo chuyển qua Ngài Hiến Pháp, được Ngài Hiến Pháp chấp thuận.

GIẢI THÍCH:

* **Truyền tín:** truyền ra các tin tức. **Tổng hợp:** bao gồm nhiều loại. **Ngũ hồ:** năm hồ. **Thiên hạ:** dưới Trời, chỉ nhơn loại. **Ngũ hồ Thiên hạ sự:** các sự việc của con người ở khắp nơi.

C.1: Cơ quan truyền bá các tin tức tổng hợp, đủ các sự việc của con người ở khắp nơi.

* **Phát thanh:** phát ra tiếng nói. **Giáo lý:** học thuyết của một tôn giáo về triết lý nhân sinh và siêu hình, đem áp dụng vào việc giáo hóa nhơn sanh nhằm hai mục tiêu: - Dạy con người có một đời sống đạo đức cao thượng, an lạc, tiến tới một xã hội đại đồng. - Dạy con người phương pháp tu luyện, cốt giải thoát khỏi các khổ não nơi cõi trần, và linh hồn được hưởng phần thưởng cao quý nơi cõi thiêng liêng. **Cộng hòa:** chung hiệp và hòa thuận cùng nhau. **Tứ hải:** bốn biển, chỉ toàn cả thế giới. **Thế gian:** cõi trần. **Tình:** tình cảm.

C.2: Phát thanh ra những bài giáo lý làm cho tình cảm con người trên khắp thế gian chung hiệp cùng nhau và hòa thuận cùng nhau.

32. Đôi Liễn Ban Đạo Sử.

C.1: Đạo mạch khai thành giáo lý suu tầm kim
nghiệm cổ.

C.2: Sử cương biên soạn chơn kinh tàng trữ bản
truy nguyên.

(2)

史
綱
編
撰
真
經
藏
貯
本
追
原

(1)

道
脈
開
成
教
理
搜
尋
今
驗
古

Đôi liễn này do Ngài Phối sư Thượng Cảnh Thanh, Phó Ban Đạo Sử, đặt ra, dâng lên Ngài Hiến Pháp, Trưởng Ban Đạo Sử, và được Ngài Hiến Pháp chấp thuận.

GIẢI THÍCH:

* **Mạch:** đường dẫn nước.
Mạch đạo: con đường Đạo. **Khai:** mở ra. **Thành:** nên. **Giáo lý:** (Xem lại đôi liễn 31). **Suu tầm:** tìm kiếm kỹ lưỡng. **Kim nghiệm cổ:** xem việc đời nay nghiệm lại việc đời xưa để suy gẫm tìm tòi học hỏi.

C.1: Con đường Đạo đã mở ra xong, suu tầm học hỏi giáo lý, xem việc ngày nay nghiệm lại việc thời xưa.

* **Sử cương:** đại cương về lịch sử, tức là nói về phân chánh yếu có tính cách tổng quát của lịch sử. **Biên soạn:** thu thập, chọn lọc các tài liệu để viết thành bài, thành sách. **Chơn kinh:** kinh chơn thật, chép lại đúng y lời dạy của Thánh Hiền để làm khuôn phép. **Tàng trữ:** cất chứa. **Bổn:** gốc. **Truy nguyên:** tìm biết tới tận nguồn gốc.

C.2: Biên soạn sách sử cương, cất chứa chơn kinh và tìm tòi hiểu biết đến tận nguồn gốc.

33. Đôi Liên Trung Tông Đạo.

C.1: Trung nghĩa đạo khai Việt Thường hòa Nam Bắc,

C.2: Tông nơn đức hóa Hồng Lạc hiệp Tây Đông.

(2)

宗
仁
德
化
鴻
貉
合
西
東

(1)

忠
義
道
開
越
裳
和
南
北

Đôi liên này đặt tại cổng Văn phòng của Trung Tông đạo trong Nội Ô TTTN.

Trung Tông đạo gồm các tín đồ Cao Đài cư ngụ trong khu vực Trung phần VN.

GIẢI THÍCH:

* **Trung:** lòng trung thành.
Nghĩa: những việc làm cao thượng hợp với lẽ phải và đạo lý. **Đạo:** tôn giáo.
Khai: mở ra. **Việt Thường:** tên của nước Việt Nam ngày xưa vào thời vua Hùng Vương. **Hòa:** thuận hòa.

C.1: Đạo mở ra tại nước Việt Nam, lấy Trung và Nghĩa làm mối dây thuận hòa cho hai miền Nam Bắc.

* **Tông:** tôn giáo. **Nơn:** lòng thương người mến vật, thương khắp chúng sanh. **Đức hóa:** dùng đạo đức để cảm hóa con người. **Hồng Lạc:** Hồng Bàng và Lạc Long Quân, Thủy tổ của dân tộc Việt Nam. **Hiệp:** hòa hợp.

C.2: Tôn giáo dùng lòng nơn từ và đạo đức cảm hóa dân tộc Việt Nam, hòa hiệp Tây phương và Đông phương.

34. Đôi Liễn Thảo Xá Hiền Cung.

C.1: Thảo xá tùy nhờn ngu muội bản cùng nghinh
nhập thất,

C.2: Hiền cung trạch khách thông minh phú quý
cấm lai môn.

(2)

賢宮擇客聰明富貴禁來門

(1)

草舍隨人愚昧貧窮迎入室

Đôi liễn này do Thất Nương giáng cơ ban cho ngôi nhà tranh của Đức Cao Thượng Phẩm ở Thị xã Tây Ninh là THẢO XÁ HIỀN CUNG, ngày 12-6-Mậu Thìn (dl 28-7-1928), sau khi Đức Cao Thượng Phẩm bị nhóm bạo hành buộc phải rời Tòa Thánh về an nghỉ tại tư gia.

GIẢI THÍCH:

* **Thảo xá:** ngôi nhà cỏ, ngôi nhà tranh. **Tùy nhờn:** tùy người. **Ngu muội:** dốt nát và tối tăm. **Bản cùng:** nghèo khổ. **Nghinh:** tiếp đón. **Nhập thất:** vào nhà.

C.1: Thảo xá, tùy theo người, người ngu muội và kẻ bản cùng, thì được tiếp đón vào nhà.

* **Hiền cung:** cái nhà của người hiền. Hiền là người tài giỏi và có đạo đức cao. **Trạch khách:** lựa chọn khách đến. **Thông minh:** sáng suốt hiểu biết. **Phú quý:** giàu sang. **Cấm:** không cho phép. **Lai môn:** tới cửa. **Cấm lai môn:** không cho phép đến nhà.

C.2: Hiền cung, lựa chọn khách đến, người thông minh và kẻ phú quý, không cho phép đến nhà.

35. Đôi Liễn Phạm Nghiệp.

C.1: Phạm nghiệp thừa nhàn lợi lộc công danh vô sở dụng.

C.2: Môn quan tích đạo tinh thần pháp bửu hữu cơ cầu.

(2)

門
關
積
道
精
神
法
寶
有
箕
裘

(1)

梵
業
承
閑
利
祿
功
名
無
所
用

Đôi liễn này do Đức Phạm Hộ Pháp viết ra, và Đức Hộ Pháp cho đặt lên cổng của ngôi nhà Phạm Nghiệp vừa mới cất xong. Phạm nghiệp là cơ sở đầu tiên của Phạm Môn, do Đức Hộ Pháp lập ra vào năm 1929 tại phần đất nằm bên quốc lộ 22, khoảng giữa Giang Tân và Thị xã Tây Ninh.

Hai chữ đầu của đôi liễn Phạm nghiệp là PHẠM MÔN, nên Phạm Nghiệp chính là Phạm Môn, mà Phạm Môn cũng chính là Phạm Nghiệp.

GIẢI THÍCH:

* **Phạm:** Phật. (Xem lại Đôi liễn Phạm Môn). **Phạm nghiệp:** sự nghiệp của Phật. (Đừng hiểu lầm là sự nghiệp của dòng họ Phạm). **Thừa nhàn:** nhàn vào lúc nhàn. **Lợi lộc:** những món lợi nói chung. **Công danh:** có sự nghiệp và địa vị cao trong xã hội. **Vô:** không. **Sở dụng:** cái công dụng của nó.

C.1: Sự nghiệp của Phật, thừa lúc nhàn, lợi lộc và công danh đều không cần dùng đến.

* **Môn:** cửa. **Quan:** cơ quan. **Tích đạo:** chứa đạo đức. **Tinh thần:** phần sáng suốt thiêng liêng. **Pháp bửu:** cái pháp quý báu. **Cơ cầu:** con cháu nối theo cái nghề nghiệp do cha ông truyền lại.

*C.2: Cơ quan chứa đạo đức, tinh thần và pháp
bửu truyền lại được người sau noi theo.*

36. Đôi Liễn Cơ Thánh Vệ.

C.1: Thánh đức chơn truyền chấn chỉnh tinh thần
tùng Đại Đạo,

C.2: Vệ quyền tôn giáo bảo tồn quốc thể hiệp Tam
Kỳ.

(2)

衛
權
宗
教
保
存
國
體
合
三
期

(1)

聖
德
真
傳
振
整
精
神
從
大
道

Đôi liễn này đặt tại cổng của Cơ Thánh Vệ.

Cơ Thánh Vệ là cơ quan do Hội Thánh lập ra để bảo trọng Đạo quyền và bảo tồn Đạo nghiệp. Về trật tự, Cơ Thánh Vệ có nhiệm vụ gìn giữ trật tự trên các đường phố trong Nội Ô và Ngoại Ô Tòa Thánh.

GIẢI THÍCH:

* **Thánh đức:** cái đức của bực Thánh. **Chơn truyền:** giáo lý chơn thật được truyền lại. **Chấn chỉnh:** sửa sang sắp đặt lại cho tốt đẹp. **Tinh thần:** phần sáng suốt thiêng liêng vô hình. **Tùng:** theo. **Đại Đạo:** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

C.1: Đức của bực Thánh, giáo lý chơn thật truyền lại để chấn chỉnh tinh thần đạo đức tùng theo ĐĐTKPĐ.

* **Vệ quyền:** cái quyền bảo vệ. **Bảo tồn:** gìn giữ cho còn. **Quốc thể:** danh dự của quốc gia. **Hiệp:** hợp vào. **Tam Kỳ:** chỉ ĐĐTKPĐ, tức là Đạo Cao Đài.

C.2: Cái quyền bảo vệ nền tôn giáo và bảo tồn danh dự của quốc gia, hiệp vào Đạo Cao Đài.

37. Đôi Liên Nhà thờ Đức Q. Giáo Tông (1).

**C.1: Quan miện Nam châu nhứt lộ công danh
chiêm thử hội,**

**C.2: Trâm anh thế phiệt bách niên phúc lộc khánh
du đồng.**

(2)

簪
纓
世
閼
百
年
福
祿
慶
攸
同

(1)

冠
冕
南
州
一
路
功
名
瞻
此
會

Trong nhà thờ Đức Quyền Giáo Tông ở gần chợ Từ Bi, Châu Thành Thánh Địa, có hai đôi liên: Đôi liên 37 đặt bên bàn thờ Đức Quyền Giáo Tông, và Đôi liên 38 đặt bên bàn thờ Hiền nội của Ngài.

Hai bên đôi liên có hai hàng chữ Nho nhỏ cho biết nguồn gốc của hai đôi liên, đọc ra như sau: "**Mỹ Tho, Phong Hòa Tổng, Địa hạt Hội Đồng Trần Văn Mẫu bái hạ.**" và "**Nam kỳ Thượng Nghị Viện, Hội Đồng Lê đại nhân lạc thành chí khánh.**" Nghĩa là: Tỉnh Mỹ Tho, Tổng Phong Hòa, Hội Đồng Địa Hạt tên là Trần Văn Mẫu kính chúc mừng. Ở Nam Kỳ Thượng Nghị Viện, Ngài Hội Đồng họ Lê cất nhà mới xong, không quên, chúc mừng.

Như vậy, hai đôi liên này của ông Hội Đồng Địa Hạt Trần Văn Mẫu đem đến chúc mừng Ngài Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung trong dịp tân gia.

GIẢI THÍCH:

* **Quan miện:** cái mũ và cái giải mũ. Thời xưa, từ quan đại phu trở lên thì đội quan miện. Quan miện là chỉ ông quan lớn đứng đầu các quan. **Nam châu:** cõi đất phía

Nam. **Nhứt lộ:** một đường. **Chiêm:** trông lên một cách kính trọng. **Thử hội:** hội ấy.

C.1: *Đứng đầu cõi Nam, một đường công danh
ngưỡng lên hội ấy.*

* **Trâm anh:** cây trâm cài đầu và giải mũ, chỉ nhà quan quyền quý. **Thế phiệt:** dòng dõi quan lại có thế lực lớn. **Khánh:** chúc mừng. **Du:** như thế. **Đồng:** cùng.

C.2: *Trâm anh thế phiệt, trăm năm phước lộc,
chúc mừng được đồng đều như thế.*

38. Đôi Liễn Nhà thờ Đức Q. Giáo Tông (2).

C.1: Mỹ hoán mỹ luân sáng tạo vinh kim khai đại
nghiệp.

C.2: Khẳng đường khẳng cấu triệu bồi bằng tích
thụ tiên cơ.

(2)

肯
堂
肯
構
肇
培
憑
昔
樹
先
基

(1)

美
奐
美
輪
創
造
榮
今
開
大
業

(Xem trở lại Đôi liễn 37 kế
trước).

GIẢI THÍCH:

* **Mỹ:** đẹp. **Luân hoán:** nhà cửa
cao lớn lộng lẫy. **Mỹ hoán mỹ luân:**
nhà cửa cao lớn lộng lẫy đẹp đẽ. **Sáng
tạo:** khởi đầu làm ra. **Vinh:** vẻ vang.
Kim: ngày nay. **Khai:** mở ra. **Đại
nghiệp:** sự nghiệp lớn.

C.1: Nhà cửa cao lớn lộng lẫy
đẹp đẽ, sáng tạo vẻ vang, ngày nay
khai đại nghiệp.

* **Khẳng:** bằng lòng. **Đường:**
nhà. **Cấu:** xây dựng. **Triệu:** khởi đầu.
Bồi: vun quén. **Bằng:** nương dựa vào.
Tích: xưa. **Thụ:** trồng cây, gây dựng.
Tiên cơ: nền tảng trước.

C.2: Bằng lòng nhà cửa xây dựng, bắt đầu tô bồi
dựa vào lúc xưa, gây dựng trên nền tảng trước.

39. Đôi Liên Cực Lạc Thổ.

C.1: Cực lạc thiên thu Thánh thể an nhàn tồn phúc Địa.

C.2: Mộ phần vạn đại quân nhân tự tại hưởng ân Thiên.

(2)

墓
墳
萬
代
軍
人
自
在
享
恩
天

(1)

極
樂
千
秋
聖
體
安
閒
存
福
地

Đôi liên này đặt tại công chánh đi vào Cực Lạc Thổ thuộc Đệ tứ Phận đạo. Cực Lạc Thổ là đất Cực Lạc, tức là Nghĩa địa, nơi chôn xác chết của Chức sắc và tín đồ của Đạo Cao Đài.

GIẢI THÍCH:

* **Cực Lạc:** nghĩa đen là vui vẻ đến cùng cực, ở đây, Cực Lạc là chỉ Cực Lạc Thổ, tức là Nghĩa địa ở Đệ tứ Phận đạo Châu Thành Thánh Địa. **Thiên thu:** ngàn mùa thu, tức là một ngàn năm. **Thánh thể:** xác Thánh, chỉ thể xác của những Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu đồ lên, đứng vào hàng Thánh. **An nhàn:** yên ổn thành thoi. **Tồn:** còn. **Phúc địa:** đất phước.

C.1: *Cực Lạc Thổ, xác Thánh của Chức sắc ngàn năm an nhàn tồn tại nơi phước địa.*

* **Mộ phần:** chỉ chung mồ mả. **Vạn đại:** muôn đời. **Quân nhân:** người trong quân đội, chỉ chung các sĩ quan và binh lính trong quân đội. Thuở trước, các quân nhân Cao Đài (cũng là những tín đồ Cao Đài) tử trận đều được chôn tại Cực Lạc Thổ này. **Tự tại:** tự do thoải mái. **Ân Thiên:** ơn Trời.

C.2: *Nơi mộ phần, các quân nhân tự tại muôn đời, hưởng ơn Trời.*

40. Đôi Liên Cực Lạc Cảnh.

C.1: Cực Lạc liên tòa Phật giáo thập phương chơn bác ái,

C.2: Cảnh quang chiếu diệu pháp truyền bá tánh đạo từ bi.

(2)

境
光
照
耀
法
傳
百
姓
道
慈
悲

(1)

極
樂
蓮
座
佛
教
十
方
真
博
愛

Cực Lạc Cảnh là cảnh trí nơi cõi Cực Lạc Thế giới, do Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh lập ra nơi phần đất tư của Ngài thuộc Phận đạo Đệ Tứ. Di tích của Cực Lạc Cảnh hiện nay là ngôi chùa Cực Lạc, trong đó có thờ Thiên Nhân ở Chánh điện, có cốt tượng ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn và chư Thần Thánh Tiên Phật. Hai bên có thờ bửu ảnh và tượng bán thân của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh và Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.

GIẢI THÍCH:

* **Cực Lạc:** chỉ cõi Cực Lạc Thế giới nơi cõi thiêng liêng. **Liên tòa:** tòa sen. **Phật giáo:** Phật dạy. **Thập phương:** 10 phương, ý nói chúng sanh khắp nơi. **Chơn:** thật. **Bác ái:** lòng

thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh.

C.1: Cõi Cực Lạc Thế giới có nhiều tòa sen, chư Phật dạy chúng sanh khắp nơi lòng bác ái chơn thật.

* **Cảnh quang:** quang cảnh, cảnh vật sáng sủa bày ra trước mắt. **Chiếu diệu:** chiếu sáng rực rỡ. **Pháp:** giáo lý của Phật. **Truyền:** trao lại. **Bá tánh:** trăm họ, chỉ nhơn sanh. **Từ bi:** lòng thương yêu của Phật đối với chúng sanh, muốn giúp chúng sanh thoát khổ.

*C.2: Cảnh vật sáng sủa rực rỡ, Phật pháp truyền
cho nơn sanh mới đạo từ bi.*

41. Đôi Liễn Văn phòng Ban Quản Trị Long Hoa.

C.1: **Quản bảo nông thương công lý vô tư hòa tại thủ,**

C.2: **Trị an công cổ luật điều bất dịch nghĩa đương tiên.**

(2)

治安工賈律條不易義同先

(1)

管保農商公理無私和在首

Đôi liễn này do Ông Bùi quang Hòa đặt ra vào năm 1951 nhân dịp khánh thành Văn Phòng Ban Quản Trị Chợ Long Hoa. Bùi quang Hòa lúc đó là Đầu Phòng Văn, Ông Giáo Hữu Thượng Tý Thanh làm Trưởng Ban Quản Trị có đem đôi liễn này lên trình Đức Phạm Hộ Pháp, được Đức Ngải sửa chữ "Sĩ Nông" của Câu 1 thành chữ "Nông Thương" và nói rằng: "Chùng nào vùng Chợ Long Hoa có trường Đại học thì dùng chữ Sĩ Nông mới hợp."

GIẢI THÍCH:

* **Quản:** coi sóc công việc. **Bảo:** gìn giữ. **Nông thương:** làm ruộng và buôn bán. **Công lý:** lẽ phải công bình. **Vô tư:** không thiên lệch. **Hòa:** hòa thuận. **Tại:** ở tại. Thủ: đầu.

C.1: *Coi sóc, gìn giữ canh nông và thương mãi, công lý công bình, lấy chữ Hòa làm đầu.*

* **Trị an:** cai quản cho được an ổn. **Công cổ:** công nghiệp và buôn bán. **Luật điều:** pháp luật. **Bất dịch:** không thay đổi. **Nghĩa:** điều phải nên làm. **Đương:** đang. **Tiên:** trước.

C.2: Cai quản cho được an ổn ngành công nghiệp và thương mại, pháp luật không đổi, đang lấy chữ Nghĩa làm trước.

42. Đôi Liên Báo Quốc Từ.

C.1: Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách,

C.2: Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển oai linh.

(2)

護
持
國
運
志
士
顯
威
靈

(1)

保
守
基
圖
英
雄
揚
氣
魄

Đôi liên này do Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức đặt ra, được đắp chữ nổi vào hai trụ cổng của Báo Quốc Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Bảo thủ:** gìn giữ cho khỏi mất. **Cơ đồ:** sự nghiệp lớn. **Anh hùng:** người lập nên công nghiệp phi thường. **Dương:** nêu cao. **Khí phách:** sức mạnh tinh thần của con người.

C.1: *Bảo thủ cơ đồ, người anh hùng nêu cao khí phách.*

* **Hộ trì:** che chở và gìn giữ. **Quốc vận:** thời vận của quốc gia. **Chí sĩ:** người trí thức có chí khí, quyết tâm đấu tranh cho chánh nghĩa. **Hiển:** hiện ra. **Oai linh:** oai quyền thiêng liêng làm mọi người kính sợ.

C.2: *Hộ trì vận nước, người chí sĩ hiển lộ oai quyền thiêng liêng.*

43. Đôi Liễn Minh Thiện Đàn (Phú Mỹ).

C.1: Minh đức Tân dân Thánh Hiền nghinh nhập tịnh,

C.2: Thiện từ ái chúng Tiên Phật ngự lai đàn.

(2)

善
慈
愛
眾
仙
佛
御
來
壇

(1)

明
德
新
民
聖
賢
迎
入
淨

Đôi liễn này do Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ban cho Nhà tịnh của Minh Thiện Đàn tại làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, ngày 21-5-Tân Mùi (dl 6-7-1931), Phò loan: Ông Đinh công Trứ và Ông Lê văn Trung.

GIẢI THÍCH:

* **Minh đức:** cái đức sáng. **Tân dân:** người dân mới của thời kỳ mới, tức là của thời kỳ Thánh đức. **Nghinh:** tiếp đón. **Nhập:** vào. **Tịnh:** Tịnh thất, nhà Tịnh để luyện đạo.

C.1: Bực Minh đức, Tân dân, Thánh Hiền, thì tiếp đón vào Nhà tịnh.

* **Thiện:** lành. **Từ:** lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới. **Ái chúng:** thương yêu chúng sanh. **Ngự:** ngồi lên một cách trang trọng. **Lai:** tới. **Đàn:** nơi thờ phượng cúng tế.

C.2: Lòng từ thiện thương yêu chúng sanh, các Đấng Tiên Phật đến ngự nơi đàn cúng tế.

44. Đôi Liễn Qui Thiện (1).

**C.1: Qui lương sanh hành chánh giáo thủ Bí pháp
chấp trung quán nhất,**

**C.2: Thiện cấp cô năng dưỡng lão bảo Chơn
truyền Đại Đạo Kỳ Tam.**

(2)

善給孤能養老保真傳大道期三

(1)

歸良生行正教守秘法執中貫一

Đôi liễn này đặt tại công chánh đi vào Trường Qui Thiện, do ông Đinh Công Trứ, Chủ Trường Qui Thiện đặt ra. Nguyên khi trước, ông Đinh Công Trứ là người đứng đầu Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ (Mỹ Tho), ông về Tòa Thánh khẩn đất tại xã Trường Hòa, qui tụ các bạn trong Minh Thiện Đoàn, lập ra Trường Qui Thiện để làm cơ sở tiếp tục tu hành.

GIẢI THÍCH:

* **Qui:** gom về một chỗ. **Lương sanh:** người tốt và lành. **Hành:** làm. **Chánh giáo:** tôn giáo chơn chánh, trái với Tà giáo. **Thủ:** cầm giữ. **Bí pháp:** giáo lý bí mật về luyện đạo, chỉ truyền riêng cho những đệ tử được chọn lọc kỹ lưỡng. **Chấp trung quán nhất:** đây là câu nói tóm hết cái đạo của Đức Khổng Tử, nghĩa là: Giữ lấy đạo Trung

Dung, lấy một lẽ mà thấu suốt mọi việc.

C.1: *Qui tụ những người lành, tu hành theo Chánh giáo, bảo thủ bí pháp chấp trung quán nhất của Đức Khổng Tử.*

* **Thiện:** lành. **Cấp cô:** cấp dưỡng trẻ mồ côi. **Năng:** có khả năng. **Bảo:** gìn giữ. **Chơn truyền:** giáo lý chơn thật truyền lại.

C.2: Làm việc phước thiện, cấp dưỡng trẻ mồ côi, nuôi người già, bảo thủ chơn truyền của ĐĐTKPĐ.

45. Đôi Liên Qui Thiện (2).

C.1: Qui lương sanh tùng căn để thức cách vật trí
tri vi bản,

C.2: Thiện giác ngộ trụ tinh thần dĩ tu thân chánh
kỷ phục nguyên.

(2)

善
覺
悟
住
精
神
以
修
身
正
己
復
源

(1)

歸
良
生
從
根
蒂
識
格
物
致
知
為
本

Đôi liên Qui Thiện này do Ông Đinh công Trứ, Chủ Trường Qui Thiện đặt ra.

GIẢI THÍCH:

* **Qui:** gom lại một chỗ. **Lương sanh:** người tốt và lành. **Tùng:** theo. **Căn để:** rễ cây và cuống hoa, chỉ cái cội nguồn của sự việc. **Thức:** biết. **Cách:** suy xét. **Vật:** sự vật. **Trí:** tới cùng. **Tri:** biết. **Cách vật trí tri:** suy xét cho thấu suốt sự vật để hiểu biết đến tận cùng cái lý của nó. **Vi:** làm. **Bổn:** gốc.

C.1: *Qui tụ các người lành, tùng theo cội nguồn, biết lấy cách vật trí tri làm gốc.*

* **Thiện:** lành. **Giác ngộ:** tỉnh ra mà biết rõ chơn lý. **Trụ:** giữ vững. **Tinh thần:** phần vô hình có tánh cách thiêng liêng sáng suốt làm chủ con người. **Dĩ:** lấy, dùng. **Tu thân:** sửa mình. **Chánh kỷ:** sửa mình cho chơn chánh. **Phục nguyên:** trở lại nguồn gốc.

C.2: *Người lành thì giác ngộ, giữ vững tinh thần lấy việc tu thân, sửa mình chơn chánh, để trở về nguồn cội.*

46. Đôi Liên Điện Thờ Phật Mẫu Q.T.

C.1: Qui Thánh đức trụ thiên lương kính trọng
hiền nhân thân cô độc,

C.2: Thiện tồn tâm hành chánh đạo tẩy trừ quái
giáo giải oan khiên.

(2)

善
存
心
行
正
道
掃
除
怪
教
解
冤
愆

(1)

歸
聖
德
住
天
良
敬
重
賢
人
親
孤
獨

Đôi liên này đặt trước Điện Thờ Phật Mẫu của Trường QT, do Ông Đinh công Trứ đặt ra.

GIẢI THÍCH:

* **Qui:** gom về một chỗ. **Thánh đức:** cái đức của bực Thánh. **Trụ:** giữ vững. **Thiên lương:** cái phần tốt đẹp mà Trời ban cho con người, đó là chơn linh, còn gọi là lương tâm. **Hiền nhân:** người hiền, người có đạo đức và tài năng. **Thân:** gần gũi. **Cô độc:** chỉ có một mình, bơ vơ, trợ trợ.

C.1: Qui tụ Thánh đức, giữ vững Thiên lương, kính trọng người hiền và gần gũi người cô độc.

* **Thiện:** lành. **Tồn tâm:** giữ cái tâm cho còn. **Hành:** làm. **Chánh đạo:** đạo chơn chánh. **Tẩy trừ:** trừ diệt cho sạch hết. **Quái giáo:** tôn giáo tà quái bất chánh. **Giải:** cởi bỏ. **Oan khiên:**

thù giận và tội lỗi.

C.2: Giữ cái tâm lành cho còn, tu hành theo chánh đạo, diệt trừ cho sạch hết các thứ tà giáo, cởi bỏ hết các oan khiên.

47. Đôi Liên Báo Ân Đường Q.T. (1).

- C.1:** Báo bổ sơn hà thế giới hồi tâm qui thiện bản,
C.2: Ân bồi xã tắc nhơn quần ngộ đạo thức linh căn.

(2)

恩
培
社
稷
人
群
悟
道
識
靈
根

(1)

報
補
山
河
世
界
回
心
歸
善
本

Đôi liên này do ông Bùi Quang Hòa đặt ra vào năm 1969, nhờ ông Lê Bá Kỳ đem dâng lên Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức xem và được chấp thuận cho đắp nơi Báo Ân Đường Qui Thiện. Thợ hồ đắp đôi liên này là ông Bảy Viễn, đắp hai chữ chót là CĂN LINH. Ngài Hiến Pháp đi xuống thăm thấy đắp sai như vậy, liền bảo đục ra đắp lại cho đúng là LINH CĂN.

GIẢI THÍCH:

* **Báo bổ:** vì đền đáp ơn người mà làm việc lợi ích cho người. **Sơn hà:** núi sông, chỉ quốc gia. **Hồi tâm:** lòng suy nghĩ trở lại mà hồi hận. **Qui:** trở về. **Thiện bản:** gốc lành.

C.1: Báo bổ ơn quốc gia và thế giới, hồi tâm trở về gốc lành.

* **Ân bồi:** mang ơn mà lo bồi bổ. **Xã tắc:** Thần đất và Thần lúa, chỉ quốc gia. **Nhơn quần:** loài người. **Ngộ đạo:** hiểu rõ đạo lý. **Thức:** biết. **Linh căn:** gốc rễ thiêng liêng.

C.2: Mang ơn lo tô bồi quốc gia và nhơn loại, hiểu biết rõ đạo lý, biết rõ nguồn gốc thiêng liêng của mình.

48. Đôi Liên Báo Ân Đường Q.T. (2).

C.1: Hành đạo hy sinh lân tuất tiền nhơn di đại
nghiệp,

C.2: Tương công lập vị cảm hoài hậu thế niệm
thâm ân.

(2)

將
功
立
位
感
懷
後
世
念
深
恩

(1)

行
道
犧
生
憐
恤
前
人
貽
大
業

Đôi liên này do ông Đinh Công Trứ, chủ Trường Qui Thiện đặt ra và được đắp lên mặt tiền của Báo Ân Đường Q.T.

GIẢI THÍCH:

* **Hành đạo:** đi phổ độ nhơn sanh theo đạo và giúp họ tu hành. **Hy sinh:** bỏ cả quyền lợi và tánh mạng để làm việc nghĩa. **Lân tuất:** thương xót. **Tiền nhơn:** người đời trước. **Di:** để lại. **Đại nghiệp:** sự nghiệp lớn.

C.1: Các bậc tiền bối, hy sinh, thương xót, đi hành đạo, lưu lại sự nghiệp lớn.

* **Tương công:** lấy cái công quả của mình. Thường nói: Tương công chiết tội: lấy công trừ tội. **Lập vị:**

tạo nên phẩm vị. **Tương công lập vị:** lấy công quả để tạo nên phẩm vị cho mình. **Cảm hoài:** cảm động nhớ tới. **Hậu thế:** đời sau. **Niệm:** tưởng nghĩ tới. **Thâm ân:** ơn sâu.

C.2: Lột người sau, lấy công quả để tạo lập phẩm vị, cảm động nhớ tưởng đến ơn sâu.

49. Đôi Liên Trí Giác Cung.

C.1: Trí linh quán thể Thiên cơ đạt,

C.2: Giác huệ siêu phàm đạo pháp thông.

(2)

覺
惠
超
凡
道
法
通

(1)

智
靈
貫
世
天
機
達

Đôi liên này đặt tại cổng chánh đi vào Trí Giác Cung thuộc Địa Linh Động. Đây là một trong ba Cung do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra dùng làm Tịnh thất.

Sau khi ông Đinh Công Trứ, Chủ Trường Qui Thiện mất (ngày mất 25-5-Kỷ Sửu, dl 21-6-1949), Đức Phạm Hộ Pháp cải tổ Trường Qui Thiện thành Địa Linh Động, trong đó có xây dựng Trí Giác Cung để làm Tịnh Thất.

GIẢI THÍCH:

* **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết. **Linh:** thiêng liêng. **Quán:** xuyên suốt qua. **Quán thể:** thông suốt các việc cõi đời. **Thiên cơ:** máy Trời. **Đạt:** thông hiểu.

C.1: Sự khôn ngoan hiểu biết thiêng liêng, thông suốt việc đời, thông hiểu máy Trời.

* **Giác:** biết rõ, không mê muội. **Huệ:** thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội. (Chữ Huệ 惠 được dùng như chữ Tuệ 慧, miền Nam vẫn đọc là Huệ). Giác huệ hay Huệ giác là cái trí huệ do giác ngộ. **Siêu phàm:** vượt lên trên mức tầm thường thấp kém. **Đạo pháp:** chánh pháp của đạo, Giáo lý chơn chánh của đạo. **Thông:** hiểu rõ suốt hết.

C.2: Cái trí huệ giác ngộ thì siêu phàm, và rõ thông đạo pháp.

50. Đôi Liên Điện Thờ Phật Mẫu.

C.1: Thánh Điện qui nguyên phước đức Thiên khai thành cảm tú,

C.2: Diêu Trì giác thể thiện duyên địa trữ lịch giang san.

(2)

瑤池覺世善緣地貯歷江山

(1)

聖殿歸元福德天開成錦繡

Đôi liên này đặt tại công chánh đi vào Điện Thờ Phật Mẫu tại xã Trường Hòa (kề cận vườn cao su gần Trí Huệ Cung). Nơi công của Đ.T. Phật Mẫu tại xã Cẩm Giang cũng có cặp đôi liên này.

GIẢI THÍCH:

* **Thánh Điện:** Điện thờ thiêng liêng. **Qui nguyên:** trở về nguồn cội. **Thiên khai:** Trời mở ra. **Cảm tú:** gấm thêu, đẹp đẽ như gấm thêu.

C.1: Nơi Điện Thờ, trở về gốc các phước đức, Trời mở ra thành một nơi tốt đẹp.

* **Diêu Trì:** cái ao bằng ngọc diêu, ý nói Diêu Trì Cung, nơi thường ngự của Đức Phật Mẫu nơi cõi Tạo

Hóa Thiên. **Giác thể:** giác ngộ người đời. **Thiện duyên:** duyên lành. **Địa trữ:** đất chứa. **Lịch:** trải qua. **Giang sơn:** sông núi.

C.2: Nơi Diêu Trì Cung, các Đấng lo giác ngộ người đời, đất chứa duyên lành, trải qua sông núi.

51. Hai câu Hán văn trên bức họa Nam Bình Phật Tổ.

C.1: Hữu tế ư nhơn, hữu tế ư vật, thùỵ vị kỳ điên.

C.2: Thác hữu ngã Phật, Phật kỳ hữu linh, hình hương báí khất.

(2)

錯
有
我
佛
佛
其
有
靈
馨
香
拜
乞

(1)

有
濟
於
人
有
濟
於
物
誰
謂
其
顛

Hai câu chữ Hán trên không phải là hai câu đối, viết trên bức họa Nam Bình Phật Tổ, được thờ nơi đối diện với bàn thờ Đức Phật Mẫu, trong Điện Thờ Phật Mẫu nơi Trí Giác Cung. Đức Phạm Hộ Pháp cho biết, Nam Bình Phật Tổ là vị Phật có công khai đạo tại nước VN, nên thờ Ngài.

GIẢI THÍCH:

* **Hữu:** có. **Tế:** cứu giúp, giúp đỡ. **Ư:** ở tại. **Nhơn:** người. **Vật:** loài vật. **Thùỵ:** gì? ai? **Vị:** bảo là, gọi là. **Kỳ:** ấy, thế. **Điên:** khùng điên.

C.1: Có cứu giúp người, có cứu giúp vật, ai bảo ta điên?

* **Thác:** cũng đọc là Thổ: sai lầm. **Ngã:** ta. **Phật:** Đức Phật. **Linh:** thiêng liêng. **Hình:** thơm lừng. **Hương:** thơm. **Báí:** lạy. **Khất:** xin.

C.2: Lầm có ta là Phật, Phật ấy có linh, đốt nhang thơm lừng, vái lạy cầu xin.

52. Đôi Liên trên Ngọc Lộ Thuyền.

C.1: Sanh tiền tạo lập Thiên đường lộ.

C.2: Tử hậu thoát ly Địa ngục môn.

(2)

死
後
脫
離
地
獄
門

(1)

生
前
造
立
天
堂
路

Đôi liên này đặt trên chiếc Ngọc Lộ Thuyền của Địa Linh Động Trí Giác Cung. Khi xưa, Ngọc Lộ Thuyền là chiếc thuyền để chở quan tài người tín đồ qui liễu đem đến Khách Đình để tế lễ, rồi từ Khách Đình đưa đi chôn nơi nghĩa địa, mới dùng Thuyền Bát Nhã. Cho nên, Ngọc Lộ Thuyền không được làm theo kiểu Thuyền Bát Nhã, mà làm giống như chiếc xe tang ở ngoài đời.

GIẢI THÍCH:

* **Sanh tiền:** nói về người đã chết, sanh tiền là lúc người ấy còn sống. **Tạo lập:** tạo dựng nên. **Thiên đường:** cõi Trời, cõi TLHS. **Thiên đường lộ:** con đường đi lên cõi Trời.

C.1: *Lúc còn sống thì tạo lập con đường đi lên cõi Trời.*

Ý nói: Lúc còn sống thì phải lo tu hành, lập đức, lập công, lập ngôn. Làm được như vậy tức là tạo lập được con đường đi lên cõi Trời, để khi chết, linh hồn theo con đường đó mà trở về cõi Thiêng liêng Hằng sống.

* **Tử hậu:** sau khi chết. **Thoát ly:** thoát ra khỏi. **Địa ngục môn:** cửa Địa ngục. Địa ngục là nơi giam giữ và trừng phạt những linh hồn mà trong kiếp sanh đã làm nhiều điều tội lỗi nơi cõi trần.

C.2: *Sau khi chết, linh hồn thoát khỏi cửa Địa ngục.*

53. Đôi Liễn Chợ Tân Dân QT.

C.1: Tân thế khai nguồn hội cửu nhị ức nguyên
nhơn qui thượng cổ.

C.2: Dân Thiên giáo hóa chuyển bát hồn hòa vũ
trụ hiệp Càn khôn.

(2)

民
天
教
化
轉
八
魂
和
宇
宙
合
乾
坤

(1)

新
世
開
元
會
九
二
億
元
人
歸
上
古

Gần bên Trường Qui Thiện, Ban Giám đốc Trường có lập một cái chợ nhỏ, đặt tên là Tân Dân Thị (Chợ Tân Dân) để cho các tín đồ cư ngụ trong vùng có nơi mua bán. Nhưng mãi đến ngày 29-11-Giáp Ngọ (dl 23-12-1954), Đức Phạm Hộ Pháp mới khánh thành Tân Dân Thị. Đôi liễn này đặt trước nhà lòng Chợ Tân Dân.

GIẢI THÍCH:

* **Tân thế:** đời mới. Khai nguồn: mở ra một nguồn, tức là mở ra một thời kỳ. **Hội:** hội họp. **Cửu nhị ức:** 92 ức = 9.200.000. **Nguyên nhơn:** người mà linh hồn được sanh ra từ lúc khai Thiên. **Qui:** trở về. **Thượng cổ:** đời xưa. Thời Thượng cổ, con người còn hiền lương đạo đức nên được xem là đời Thánh đức.

C.1: Đời mới, mở ra một thời kỳ, hội họp 92 ức nguyên nhơn, trở về thời Thánh đức.

* **Dân Thiên:** dân của Trời. **Giáo hóa:** dạy cho biến đổi từ xấu nên tốt. **Chuyển:** vận chuyển. **Bát hồn:** 8 phẩm chơn hồn gồm: Kim Thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn. **Càn khôn:** Trời đất, thường nói Càn khôn Vũ trụ.

*C.2: Dân của Trời, giáo hóa và vận chuyển bát
hồn hòa hợp vào Càn khôn Vũ trụ.*

54. Đôi Liên Trí Huệ Cung.

C.1: Trí định Thiên lương qui nhưt bản.

C.2: Huệ thông Đạo pháp độ quần sanh.

(2)

慧
通
道
法
度
群
生

(1)

智
定
天
良
歸
一
本

Đôi liên này đặt tại cổng của Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung. Trí Huệ Cung ở trong Thiên Hỷ Động, do Đức Hộ Pháp lập ra để làm Tịnh Thất cho Nữ phái.

GIẢI THÍCH:

* **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết.

Định: sắp đặt. **Thiên lương:** cái phần tốt đẹp mà Trời ban cho con người. Đó là lương tâm, cũng gọi là chơn linh. **Qui:** trở về. Nhưt bản: một gốc, gốc đó là Đại Linh Quang, tức là Thương Đế.

C.1: Sự khôn ngoan hiểu biết của con người sắp đặt đem cái Thiên lương trở về hiệp cùng Đức Chí Tôn.

* **Huệ:** hiểu rõ các sự lý và dứt điều mê muội.

Thông: biết rõ suốt hết. **Đạo pháp:** chánh pháp của đạo, đó là những giáo lý và phép tu mà ai tu đúng theo đó thì nhưt định sẽ đắc đạo và được giải thoát khỏi luân hồi. **Độ:** cứu giúp. **Quần sanh:** đông đảo nhơn sanh.

C.2: Cái trí huệ thông suốt Đạo pháp để cứu độ nhơn sanh.

55. Đôi Liên Sở Cấp Cô.

C.1: Hoằng pháp tu chơn thực thi tôn chỉ đạo,

C.2: Khai cơ hành thiện hoàn bị cấp cô viên.

(2)

開
基
行
善
完
備
給
孤
園

(1)

弘
法
修
真
實
施
宗
旨
道

Sở Cấp Cô là một cơ sở phước thiện của Đạo lập ra để trợ cấp, nuôi dưỡng trẻ mồ côi .

Sở Cấp Cô đồng nghĩa với Cô Nhi Viện.

GIẢI THÍCH:

* **Hoằng pháp:** truyền bá giáo lý. **Tu chơn:** tu hành chơn thực, không cần phàm tục áo mũ, chỉ cốt đạt được sự tiến hóa của tâm linh để giải thoát khỏi vòng luân hồi. **Thực thi:** thi hành đầy đủ cho thành sự thật. **Tôn chỉ:** tư tưởng chủ yếu, hay những nguyên tắc chánh yếu chi phối các hoạt động. **Đạo:** tôn giáo.

C.1: Truyền bá giáo lý, tu hành chơn thật, thực thi tôn chỉ của Đạo.

* **Khai cơ:** mở ra nền tảng. **Hành thiện:** làm việc phước thiện. **Hoàn bị:** trọn vẹn đầy đủ. **Cấp:** giúp cho, phát cho. **Cô:** trẻ mồ côi. **Viên:** vườn.

C.2: Mở ra nền tảng làm việc phước thiện, hoàn bị vườn Cấp Cô để trợ cấp nuôi dưỡng trẻ mồ côi.

56. Đôi Liên Ban Cấp Tế.

C.1: Cấp trí phò nguy chửng nịch cứu phần tận độ cơ hàn ư tứ khổ.

C.2: Tế nhân ái chúng bảo cô tuất quả bất luận qui tiện dữ cùng thông.

(2)

濟人愛眾保孤恤寡不論貴賤與窮通

(1)

急智扶危拯溺救焚盡度飢寒於四苦

Ban Cấp Tế là một ban có nhiệm vụ cứu giúp khẩn cấp những người bị tai nạn nguy hiểm và gặp cảnh khốn khổ.

GIẢI THÍCH:

* **Cấp:** gấp rút, cần gấp. **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết. **Cấp trí:** trí khôn ứng phó nhanh lúc bất chợt. **Phò nguy:** cứu giúp người trong lúc nguy cấp. **Chửng nịch:** cứu vớt người bị chìm trong nước. **Cứu phần:** cứu giúp người bị nạn lửa cháy. **Tận độ:** cứu giúp tất cả, không để sót một người nào. **Cơ hàn:** đói lạnh. **Ư:** ở tại. **Tứ khổ:** bốn thứ khổ mà con người không tránh khỏi: Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

C.1: Trí khôn ứng phó nhanh để giúp người trong lúc nguy cấp, cứu vớt người bị chìm trong nước, cứu giúp người bị nạn lửa cháy, cứu giúp tất cả người đói lạnh do nơi tứ khổ.

* **Tế nhân:** giúp người. **Ái chúng:** thương người. **Bảo cô:** chăm sóc trẻ mồ côi. **Tuất quả:** thương xót đàn bà góa. **Bất luận:** không kể. **Qui tiện:** sang hèn. **Dữ:** cùng với. **Cùng thông:** lúc cùng khổ, lúc hanh thông.

*C.2: Giúp người, thương người, chăm sóc trẻ mồ
côi, thương xót quả phụ, không kể sang hèn, với lúc khốn
cùng, hay lúc hanh thông.*

57. Đôi Liên Nhà Bảo Sanh.

C.1: Bảo vệ độ nhờn hòa vạn chủng.

C.2: Sanh tồn hoạt thể cứu quần sanh.

(2)

生
存
活
世
救
群
生

(1)

保
衛
度
人
和
萬
種

Đôi liên này đặt tại cổng nhà Bảo Sanh Thuận Đức do Hội Thánh lập ra, ở đường Trung Hòa Lộ, đối diện với Trí Giác Cung.

GIẢI THÍCH:

* **Bảo vệ:** gìn giữ che chở. **Độ nhờn:** cứu giúp người. **Hòa:** êm thuận. **Vạn chủng:** muôn chủng tộc, ý nói toàn cả nhờn loại.

C.1: Bảo vệ cứu giúp người, thuận hòa với tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc.

* **Sanh tồn:** sống còn. **Hoạt thể:** hoạt động với đời. **Cứu:** giúp đỡ. **Quần sanh:** đông đảo nhờn sanh.

C.2: Sống còn thì hoạt động với đời, cứu giúp nhờn sanh.

58. Đôi Liễn Dưỡng Lão Đường.

C.1: Dưỡng trí tu thân hành đạo pháp.

C.2: Lão thông chơn tánh đạt huyền cơ.

(2)

老
通
真
性
達
玄
機

(1)

養
智
修
身
行
道
法

Dưỡng Lão đường là nhà để nuôi dưỡng những người già cả đơn độc.

GIẢI THÍCH:

* **Dưỡng trí:** nuôi nâng cái trí não cho được sáng suốt. **Tu thân:** sửa mình. **Hành:** làm. **Đạo pháp:** chánh pháp của đạo, tức là giáo lý chơn chánh mà người tu hành tu đúng theo đó thì như định đặc đạo.

C.1: Nuôi nâng cái trí, sửa mình, tu hành đúng theo chánh pháp

của đạo.

* **Lão:** già cả. **Thông:** biết rõ. **Chơn tánh:** cái tánh chơn thật, không biến đổi. Ấy là Phật tánh, Đạo Cao Đài thường gọi đó là chơn thần. **Đạt:** thông hiểu. **Huyền cơ:** máy huyền diệu của Trời. Huyền cơ chính là Thiên cơ.

C.2: Già cả biết rõ được cái chơn tánh (chơn thần) của mình thì thông hiểu được máy Trời huyền diệu.

59. Đôi Liên Vạn Pháp Cung.

C.1: Vạn lý hòa tâm đồng nhưt mạch.

C.2: Pháp cao bình trí hội tam tông.

(2)

法
高
平
智
會
三
宗

(1)

萬
理
和
心
同
一
脈

Vạn Pháp Cung là một Cung trong ba Cung do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra, dùng để làm Tịnh Thất cho Nam phái. Vạn Pháp Cung ở trong Nhon Hòa Động, sẽ được xây dựng nơi Sở Sơn Đình tại 6 mẫu đất do Hội Thánh mua ở chơn núi Điện Bà.

GIẢI THÍCH:

* **Vạn lý:** muôn lẽ phải. **Hoà tâm:** hòa hợp với cái tâm của con người. **Vạn lý hòa tâm:** muôn lẽ phải đều hòa hợp với cái tâm của con người, vì cái tâm này là điểm Linh quang của Trời, nên luôn luôn tốt đẹp chơn chánh, mới được gọi là Lương tâm. **Đồng nhưt mạch:** đều cùng một đường dẫn, tức là cùng đi chung một đường.

C.1: *Muôn lẽ phải đều hòa hợp với cái tâm và đều đi chung một đường.*

* **Pháp cao:** đạo pháp cao siêu. **Bình:** bình an, yên lặng. **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết. **Hội:** tụ họp. **Tam tông:** ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông là: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo. Tam tông đồng nghĩa Tam giáo.

C.2: *Đạo pháp cao siêu, trí não lặng yên thì hội cùng Tam giáo.*

60. Đôi Liên Linh Sơn Động.

C.1: Linh diệu cơ Thiên tế chúng truyền chơn hòa Đại Đạo.

C.2: Sơn trường quang điện phổ nhơn pháp lý hiệp Kỳ Tam.

(2)

山長光殿普人法理合期三

(1)

靈妙機天濟眾傳真和大道

Đôi liên này do Đức Thái Thượng Đạo Tổ giảng cơ ban cho.

Núi Điện Bà hay núi Bà Đen có vị Thần Nữ rất linh hiển, tục gọi là Bà Đen, được vua Gia Long sắc phong là Linh Sơn Thánh Mẫu, nên chữ Linh Sơn là chỉ núi Bà Đen, Thánh Mẫu chỉ vị Thần Nữ tôn kính. Linh Sơn Động là một cái hang núi (động đá) trong núi Bà Đen. Đây là nơi tu hành của quý vị Đạo núi, do ông Lễ Sanh Giáo Thiện Võ Văn Đợi, đạo hiệu Linh Đoán, thuộc Phạm Môn, lãnh đạo. Đây cũng là một tổ chức ban đầu để sau này Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Nhơn Hòa Động và Vạn Pháp Cung, làm Tịnh Thất cho Nam phái.

GIẢI THÍCH:

* **Linh diệu:** thiêng liêng huyền diệu. **Cơ Thiên:** máy Trời. **Tế chúng:** giúp đỡ mọi người. **Truyền chơn:** chơn truyền, giáo lý chơn thật truyền lại. **Hòa:** hợp vào.

C.1: Máy Trời thiêng liêng huyền diệu, cứu giúp nhơn sanh, chơn truyền hợp vào Đại Đạo.

* **Sơn trường:** núi dài. **Quang điện:** cung điện sáng chói rực rỡ. **Phổ nhơn:** phổ độ nhơn sanh vào cửa đạo. **Pháp lý:** cái lẽ của Pháp luật. **Hiệp:** hợp vào. **Tam Kỳ:** ĐĐTKPĐ.

*C.2: Núi dài, cung điện rực rỡ, phổ độ non
sinh, pháp lý hợp vào Đạo Cao Đài.*

61. Đôi Liễn Anh Linh Miếu (1).

C.1: HẠC chấp trung quán nhứt.

C.2: QUI Thánh đức Kỳ Tam.



Trong Linh Sơn Động có thiết lập một ngôi thờ gọi là Anh Linh Miếu. Anh linh là cái cao quý thiêng liêng của Trời ban cho người, đó là linh hồn hay cũng gọi là điểm Linh quang. Anh Linh Miếu là nơi thờ phượng những linh hồn người chết.

Trong Anh Linh Miếu có một đôi hạc đứng trên lưng hai con rùa. Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng giáng cơ ban cho đôi liễn này.

GIẢI THÍCH:

* **Hạc**: con chim hạc. **Chấp trung**: giữ cái mức trung bình, không thái quá, mà cũng không bất cập. Ấy là cái đạo Trung Dung của Đức Khổng Tử. **Quán nhứt**: tức là Nhứt dĩ quán chi, nghĩa là một sợi dây khâu được nhiều thứ, ý nói: Lấy một lẽ mà thông suốt cả mọi việc. **Chấp trung quán nhứt**: đây là câu nói tóm hết cái Đạo uyên áo của Đức Khổng Tử.

C.1: Chim hạc, tượng trưng cái Đạo của Đức Khổng Tử.

Khi nói đến chim Hạc, người ta liên tưởng đến chữ đồng âm Hạc, có nghĩa là quản lý, cai quản. Cho nên C.1 còn có ý nói rằng: Trong công việc quản lý, cần phải giữ trung dung và nhứt quán.

* **Qui**: con rùa. **Thánh đức**: cái đức của bậc Thánh. **Kỳ Tam**: chỉ ĐĐTKPD, tức là Đạo Cao Đài.

*C.2: Con qui, tượng trưng cho Thánh đức của
bực Thánh thời kỳ của Đạo Cao Đài.*

Khi nói đến chữ Qui, người ta liên tưởng đến chữ Qui là trở về. Do đó C.2 còn có ý nói rằng: Trở về thời kỳ Thánh đức của Đạo Cao Đài.

62. Đôi Liên Anh Linh Miếu (2).

C.1: Kiếp số lai Thiên nhập hội Huỳnh hiệp đức.

C.2: Mạng căn đáo thể xuất Đại Đạo hòa nhơn.

(2)

命
根
到
世
出
大
道
和
仁

(1)

劫
數
來
天
入
會
黃
合
德

Đôi liên này do Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ ban cho. (Theo lời của ông Võ Văn Kỳ, con của Ngài Võ Văn Đợi).

GIẢI THÍCH:

* **Kiếp số:** số kiếp, số mạng của kiếp sống con người. **Lai Thiên:** lên tới Trời. **Nhập:** vào. **Hội:** cuộc họp đông người. **Huỳnh:** ý nói Huỳnh Đạo, nghĩa là: Đạo Vàng, Phái Vàng, chỉ Đạo Cao Đài. (Xem lại Đôi liên 5: Hiệp Thiên Đài). **Hiệp:** họp vào. **Đức:** đạo đức.

C.1: *Đúng số kiếp thì linh hồn lên Trời, nhập vào hội người Đạo Cao Đài, hòa hợp vào đạo đức.*

* **Mạng căn:** gốc rễ của mạng sống con người. **Đáo thể:** đến cõi thể gian. **Xuất:** đi ra. **Đại Đạo:** ĐĐTKPĐ tức là Đạo Cao Đài. **Hòa nhơn:** hòa hợp lòng nhơn. Nhơn là lòng thương người mến vật, thương khắp chúng sanh.

C.2: *Căn bản mạng sống con người đến thể gian, đi ra từ nền Đại Đạo, hòa hợp vào lòng nhơn.*

63. Đôi Liễn Bàn đưa Chức sắc.

C.1: Quả mãn Ngọc Hư hồi bái Phật.

C.2: Công viên thọ sắc phục triều Thiên.

(2)

功
圓
受
救
復
朝
天

(1)

果
滿
玉
虛
回
拜
佛

Đôi liễn này đặt 2 bên Bàn Đưa Linh cữu của Chức sắc qui liễu đến Nghĩa địa.

GIẢI THÍCH:

* **Quả:** cái trái, kết quả. **Mãn:** đầy đủ. **Quả mãn:** kết quả của việc tu hành đầy đủ công đức, chỉ ngôi vị đạt được nơi cõi thiêng liêng. **Ngọc Hư:** Ngọc Hư Cung, ở tầng Trời Hư Vô Thiên, nơi họp Thiên triều của Đức Chí Tôn. **Hồi:** trở về. **Bái Phật:** lạy Phật.

C.1: Đạt được kết quả của việc tu hành đầy đủ thì được trở về Ngọc Hư Cung lạy Phật.

* **Công:** công đức, công quả. **Viên:** tròn vẹn, hoàn toàn. **Công viên:** công đức tròn vẹn, không thiếu sót. **Thọ sắc:** nhận lãnh mệnh lệnh của Đức Chí Tôn. **Phục:** trở lại, trở về. **Triều Thiên:** châu Trời, vào châu Đức Chí Tôn.

C.2: Công đức tròn vẹn, nhận lãnh sắc lệnh của Đức Chí Tôn, trở về châu Đức Chí Tôn.

64. Đôi Liên Bàn đưa ở Qui Thiện.

C.1: Quả mãn công viên triều Ngọc Đế.

C.2: Trì trai khổ hạnh bái Tiên Ông.

(2)

持齋苦行拜仙翁

(1)

果滿功圓朝玉帝

Đôi liên này đặt hai bên bàn đưa linh cữu đến nghĩa địa của Trường Qui Thiện.

GIẢI THÍCH:

* **Quả mãn**: kết quả của việc tu hành đầy đủ, chỉ ngôi vị đạt được nơi cõi Thiêng liêng. **Công viên**: công đức tròn vẹn, không thiếu sót. **Triều**: châu. **Ngọc Đế**: Ngọc Hoàng Thượng Đế, thường gọi là Đức Chí Tôn.

C.1: Công quả viên mãn thì được vào châu Đức Chí Tôn.

* **Trì trai**: gìn giữ việc ăn chay trường. Ăn chay là ăn các thứ thực phẩm thảo mộc, xuất phát từ thảo mộc, hay được chế biến từ thảo mộc. Ăn chay trường là ăn chay hoài, từ năm này qua năm nọ cho đến khi chết. **Khổ hạnh**: chịu sự vất vả khổ cực trong việc tu hành. **Bái**: lạy. **Tiên Ông**: ý nói Cao Đài Tiên Ông, một danh hiệu của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

C.2: Ăn chay trường, chịu khổ cực trong việc tu hành thì được trở về bái lạy Đức Chí Tôn.

65. Đôi Liễn Khánh thờ tư gia.

C.1: Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo.

C.2: Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

(2)
好
逢
玉
帝
御
塵
間

(1)
幸
遇
高
臺
傳
大
道

Đôi liễn này đặt hai bên khánh thờ Thánh tượng Thiên nhân tại tư gia. Nguồn gốc của đôi liễn là lấy cặp trạng bài thi của Đức Chí Tôn giáng cơ, có in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I:

Hảo Nam bang! Hảo Nam bang!

Tiểu quốc táo khai Hội Niết Bàn.

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

Thi ân tế chúng Thiên tai tận,

Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.

Chí bửu nhơn sanh vô giá định,

Năng tri giác thể sắc Cao ban.

GIẢI THÍCH:

* **Hạnh ngộ:** may mắn gặp được. **Cao Đài:** một danh hiệu của Đức Chí Tôn. **Truyền:** truyền bá. **Đại Đạo:** nền Đạo lớn, đó là ĐĐTKPD, tức là Đạo Cao Đài.

C.1: *May mắn gặp Đức Chí Tôn truyền ra nền Đại Đạo.*

* **Hảo phùng:** tốt đẹp gặp được. **Ngọc Đế:** Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. **Ngự:** chỉ các hành động của vua. **Ngự trần gian:** Đức Chí Tôn giáng xuống cõi trần.

C.2: *Tốt đẹp thay gặp được Đức Chí Tôn giáng xuống cõi trần!*

66. Đôi Liên Khách Thiện Đường Q.T. (1).

C.1: Khách cách vật hậu trí trí sử vạn quốc ngũ châu đồng trị.

C.2: Thiện tôn tâm hành chánh đạo hóa toàn cầu tứ hải vô tranh.

(2)

善
存
心
行
正
道
化
全
球
四
海
無
爭

(1)

客
格
物
後
致
知
使
萬
國
五
洲
同
治

Khách Thiện đường là nhà để tiếp khách lành. Thuở xưa, nơi Trường Qui Thiện có xây dựng Khách Thiện Đường Nam và Nữ để tiếp khách Nam phái và Nữ phái. Đôi liên này đặt trong Khách Thiện Đường của Trường Qui Thiện.

GIẢI THÍCH:

* **Khách:** người khách. **Cách vật trí trí:** cách là suy xét, vật là sự vật, trí là tới cùng, trí là biết. Cách vật trí trí là suy xét cho thấu suốt sự vật để hiểu biết đến tận cùng cái lý của nó. **Hậu:** sau. **Sử:** khiến cho, làm cho. **Vạn quốc Ngũ châu:** muôn nước năm châu, chỉ tất cả các nước trên thế giới. **Đồng trị:** cùng được an ổn.

C.1: Người khách, trước thì cách vật, sau mới trí trí, khiến cho các nước trên thế giới đều yên ổn.

* **Thiện:** lành. **Tôn tâm:** giữ cái tâm tốt đẹp cho còn. **Hành:** làm. **Hóa:** làm cho thay đổi. **Toàn cầu:** toàn thế giới. **Tứ hải:** bốn biển, chỉ khắp thế giới. **Vô tranh:** không còn chiến tranh.

C.2: Thiện, giữ cái tâm tốt đẹp cho còn, tu hành theo chánh đạo, làm thay đổi toàn cả thế giới không còn chiến tranh.

67. Đôi Liên Khách Thiện Đường Q.T. (2).

C.1: Khách Đại học tại Minh đức Tân dân Chí thiện dĩ thanh tịnh an thân bảo mạng.

C.2: Thiện tôn tâm hành nhân nghĩa lễ trí tín thị nhi trung hòa suất tánh do Thiên.

(2)

善
存
心
行
仁
義
禮
智
信
是
而
中
和
率
性
由
天

(1)

客
大
學
在
明
德
新
民
至
善
以
清
淨
安
身
保
命

GIẢI THÍCH:

* **Đại học:** bậc học cao hơn hết. Đại học cũng là tên một quyển sách của Nho giáo, dùng để dạy người lớn, mà câu đầu tiên của sách Đại học là: "Đại học chi đạo, tại minh đức, tại tân dân, tại chí thiện." Nghĩa là: Đường lối Đại học là ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng (Minh đức), ở chỗ làm mới dân (Tân dân), ở chỗ đi đến nơi rất tốt lành mới thôi (Chí thiện). **Dĩ:** lấy, dùng. **Thanh tịnh:** trong sạch. **An thân:** yên ổn tâm thân. **Bảo mạng:** bảo vệ mạng sống.

C.1: Khách, bậc Đại học, tại nơi minh đức, tân dân, chí thiện, lấy sự trong sạch và yên thân bảo vệ mạng sống.

* **Tôn tâm:** giữ cái tâm tốt đẹp cho còn. **Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín:** gọi chung là Ngũ Thường. Nhân là lòng thương người mến vật. Nghĩa là cư xử đúng lẽ phải. Lễ là xử thế đúng phép tắc. Trí là năng lực khôn ngoan hiểu biết. Tín là tin tưởng. **Thị:** đúng lẽ

phải. **Nhi:** mà. **Trung hòa:** trung dung và hòa nhã. Suất tánh: noi theo chơn tánh.

C.2: *Thiện, giữ cái tâm cho lành, làm những điều
Nhơn Nghĩa Lễ Trí Tín, điều phải, mà trung hòa, noi
theo cái chơn tánh do Trời.*

68. Đôi Liễn Khách Thiện Đường Q.T. (3).

C.1: Xuân tỵ thu thường tuân vạn cổ Thánh Hiền
lễ nhạc,

C.2: Tả chiêu hữu mục tỵ nhưt gia thế đại nguyên
lưu.

(2)

左昭右穆序一家世代源流

(1)

春祀秋嘗遵萬古聖賢禮樂

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ nơi Khách Thiện đường của Trường Qui Thiện.

GIẢI THÍCH:

* **Xuân tỵ:** lễ cúng tế vào mùa xuân. **Thu thường:** lễ cúng tế vào mùa thu. **Tuân:** tuân theo. **Vạn cổ:** muôn xưa, thời xa xưa lâu đời lắm. **Thánh Hiền lễ nhạc:** nghi lễ và âm nhạc của các bậc Thánh Hiền.

C.1: Lễ Nhạc của Thánh Hiền dùng để cúng tế vào hai mùa xuân và thu, tuân theo xưa.

* **Tả chiêu hữu mục:** ngôi thờ bên trái (tả) gọi là Chiêu, ngôi thờ bên mặt (hữu) gọi là Mục. **Tỵ:** thứ tự phân biệt. **Nhứt gia:** mỗi nhà. **Thế đại:** đời

đời. **Nguyên lưu:** nguồn nước và dòng nước, ý nói kế truyền không dứt như dòng nước chảy hoài.

C.2: Ngôi thờ bên phải và bên trái có thứ tự phân biệt, mỗi nhà đời đời kế truyền không dứt.

69. Đôi Liễn Khách Thiện Đường Q.T. (4).

C.1: Hách hách hiển oai linh đảo tất thành kỳ tất ứng,

C.2: Dương dương hồ tại thượng thị phát kiến thính phát văn.

(2)

洋
洋
乎
在
上
視
弗
見
聽
弗
聞

(1)

赫
赫
顯
威
靈
禱
必
誠
祈
必
應

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ nơi Khách Thiện đường Trường Qui Thiện.

GIẢI THÍCH:

* **Hách hách:** lừng lẫy. **Hiển:** hiện rõ ra. **Oai linh:** oai quyền thiêng liêng. **Đảo:** cúng tế. **Tất:** ất hẳn. **Thành:** nên việc. **Kỳ:** cầu khẩn. **Ứng:** đáp lại lời cầu nguyện.

C.1: Lừng lẫy hiện rõ oai linh, cúng tế tất nên việc, cầu khẩn tất có ứng nghiệm.

* **Dương dương:** phới phới về đặc ý. **Hồ:** vậy. **Tại thượng:** ở trên. **Thị:** xem. **Phát:** chẳng, không được. **Kiến:** thấy. **Thính:** nghe. **Văn:** nghe biết.

C.2: Phới phới đặc ý vậy ở trên, xem chẳng thấy, lóng chẳng nghe.

70. Đôi Liễn tại Hậu Điện Thánh Thất Cao Lãnh.

C.1: Cao thâm diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết.

C.2: Đài trọng nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.

(2)
臺
重
巍
巍
白
玉
京

(1)
高
深
渺
渺
黃
金
闕

Đôi liễn này khởi đầu bằng hai chữ CAO ĐÀI, và năm chữ sau của mỗi câu lấy trong Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

GIẢI THÍCH:

* **Cao thâm:** cao sâu. Thâm là sâu. **Diệu diệu:** ở mù mù rất xa. **Huỳnh Kim Khuyết:** cái cổng lớn làm bằng vàng ròng trước đền vua. Phía trong Huỳnh Kim Khuyết là Linh Tiêu Điện, nơi họp Thiên triều của Đức Chí Tôn.

C.1: Cao sâu, ở mù mù rất xa cái cổng lớn Huỳnh Kim Khuyết (nơi cõi thiêng liêng).

* **Đài trọng:** cái đài cao và lớn, là nơi ngự của Đức Chí Tôn mỗi khi họp Thiên triều. **Nguy nguy:** đồ sộ cao vòi vọi. **Bạch Ngọc Kinh:** tòa lầu đài to lớn bằng ngọc trắng, là nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

C.2: Cái đài cao lớn, đền Bạch Ngọc Kinh đồ sộ cao vòi vọi.

71. Đôi Liễn trong Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh.

- C.1:** Huỳnh Kim Khuyết nội huyền hư huyền diệu
Tam qui toàn chuyển Phật Pháp Tăng,
C.2: Bạch Ngọc Kinh trung vô cực vô vi Nhứt khí
hóa thành Nho Thích Đạo.

(2)

白玉京中無極無為一氣化成儒釋道

(1)

黃金闕內玄虛玄妙三皈旋轉佛法僧

Đôi liễn này có in trong quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh của Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, Hội Thánh xuất bản năm 1928.

GIẢI THÍCH:

(Xem trở lại Đôi liễn 70)

* **Nội:** trong. **Huyền diệu:** mẫu nhiệm mà con người với trí não phàm phu không thể hiểu rõ được. **Huyền hư:** huyền diệu và trống không. **Tam qui:** ba điều nương theo. Tam qui của Phật giáo còn được gọi là Qui y Tam bảo: qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng. Phật là Đức Phật, Pháp là giáo lý của Phật, Tăng là những người tu theo Phật. **Toàn:** **Tuyển:** quay trở lại. **Chuyển:** vận chuyển.

C.1: Trong Huỳnh Kim Khuyết hư vô huyền diệu, Tam qui xoay chuyển Phật Pháp Tăng.

* **Trung:** giữa. **Vô cực:** cái khởi đầu của Trời Đất, Nho giáo gọi là Vô cực, Lão giáo gọi là Đạo, Cao Đài gọi là Khí Hư Vô. **Vô Vi:** ý nói rất mẫu nhiệm, không hình không ảnh. **Nhứt khí:** một chất khí, đó là Khí Hư Vô. **Hóa thành:** sanh thành. **Nho Thích Đạo:** Tam giáo: Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo (Lão giáo).

C.2: Trong Bạch Ngọc Kinh, Vô Cực Vô Vi, một khí hư vô hóa thành Tam giáo.

72. Đôi Liên Thảo Đường (Phú Mỹ).

C.1: Thảo thượng sương phi tiện thị thiên ba chi
thắng cảnh,

C.2: Đường tiền nguyệt chiếu thậm quang địa thới
thị đăng Tiên.

(2)

堂前月照甚光地
塚是登仙

(1)

草上霜飛便是天
波之勝景

Thảo đường là ngôi nhà tranh. Nguyên vào năm 1928, Đức Phật Mẫu giảng cơ dạy Đức Phạm Hộ Pháp đi xuống làng Phú Mỹ quận Châu Thành tỉnh Mỹ Tho, tìm đất cất một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang và xin khẩn một sớ đất lập Sở Thảo đường.

Đức Phật Mẫu cho bài thi về Thảo đường:

*Thảo đường phước địa ngô tông hoa,
Lục ức dư niên võ trụ hòa.
Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
Thế đăng Bồng đảo định âu ca.*

Đôi liên Thảo Đường do Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ban cho ngày 23-4-Nhâm Thân (dl 28-5-1932) tại Minh Thiện Đàn ở Phú Mỹ, Mỹ Tho.

GIẢI THÍCH:

* **Thảo:** cỏ. **Thượng:** trên. **Sương phi:** sương mù bay. **Tiện thị:** ấy là. **Thiên ba:** sóng Trời. Ba là làn sóng. **Chi:** tiếng đệm. **Thắng cảnh:** cảnh đẹp.

C.1: Sương bay trên ngọc cỏ, ấy là làn sóng Trời, cảnh rất đẹp.

* **Đường tiền:** trước nhà. **Nguyệt chiếu:** trăng soi. **Thậm quang:** rất sáng. **Địa thới:** tức là Thái địa: đất

vua phong cho các đại thần có công lớn. **Thị:** ấy là. **Đặng Tiên:** lên cõi Tiên.

C.2: *Trước nhà, trăng soi rất sáng đất phong, như lên cõi Tiên.*

73. Đôi Liễn Thánh Thất Cần Đăng Long Xuyên.

C.1: Tiền diện tam giang long hý thủy,

C.2: Hậu đầu thất đỉnh phụng triều sơn.

(2)
後
頭
七
頂
鳳
朝
山

(1)
前
面
三
江
龍
戲
水

Đôi liễn này do Bát Nương ban cho Thánh Thất Cần Đăng, thuở mới khai Đạo tại vùng này.

Thánh Thất Cần Đăng nằm trên đường đi từ Long Xuyên qua quận Tri Tôn, cách chợ Long Xuyên chừng 20 km. Phía trước Thánh Thất có một ngã ba sông, và đứng phía sau Thánh Thất nhìn thấy bảy ngọn Thất sơn.

GIẢI THÍCH:

* **Tiền diện:** mặt trước. **Tam giang:** ba con sông. **Long:** rồng. **Hý:** giỡn. **Thủy:** nước.

C.1: Phía trước có ba con sông, rồng giỡn nước.

* **Hậu đầu:** đầu sau, phía sau. **Thất đỉnh:** bảy đỉnh núi. **Phụng:** con chim phụng. **Triều:** châu, hướng về. **Sơn:** núi.

C.2: Phía sau thấy bảy đỉnh Thất sơn, phụng châu núi.

(Tài liệu của Vạn Năng Bùi Quang Hòa)

74. Đôi Liên Thánh Thất Battambang (1).

C.1: Phật lực vô biên thập bát tý trung lộ Bát Nhã,
C.2: Ân ba bất kiệt tam thiên giới nội chứng Bồ đề.

(2)

恩
波
不
竭
三
千
界
內
証
菩
提

(1)

佛
力
無
邊
拾
捌
臂
中
路
般
若

Đôi liên này đặt tại mặt tiền của Thánh Thất Battambang nước Miên. (Theo tài liệu trong quyển LE CAODAISME AU CAMBODGE của Bernardini).

GIẢI THÍCH:

* **Thập bát:** 18. **Tý:** cánh tay. **Trung lộ:** con đường Trung đạo, tức là con đường tu ở giữa, không theo lối tu khổ hạnh ép xác, cũng không tu theo lối lợi dưỡng sung sướng xác thân. Đức Phật Thích Ca, nhờ từ bỏ lối tu khổ hạnh ép xác, chuyển qua lối tu Trung đạo, Ngài mới đạt được trí huệ và thành Phật. **Bát Nhã:** phiên âm từ tiếng Phạn Prajnâ, nghĩa là Trí huệ.

C.1: Phật lực vô biên, tượng trưng bằng 18 cánh tay, con đường trung đạo tu hành mới đạt được trí huệ.

* **Ân ba:** ơn đức tràn đầy như làn sóng. **Bất kiệt:** không dứt. **Tam thiên giới:** 3000 thế giới. **Nội chứng:** chứng thực được bên trong. **Bồ đề:** phiên âm từ tiếng Phạn Bodधि, nghĩa là Chánh giác, thông hiểu đạo lý, dứt phiền não, chứng được Niết Bàn.

C.2: Ôn đức tràn đầy như làn sóng không dứt, 3000 thế giới, chứng được bên trong đạo quả Bồ đề (Chánh giác).

75. Đôi Liên Thánh Thất Battambang (2).

C.1: Pháp luật vô biên hỏa thực biến thành pháp thực,

C.2: Thần công cự trắc phàm trừ tức thị Thiên trừ.

(2)

神
功
巨
測
凡
廚
即
是
天
廚

(1)

法
律
無
邊
火
食
變
成
法
食

Đôi liên này đặt trước Trù phòng (nhà bếp) của Thánh Thất Battambang. (Tài liệu trong quyển LE CAODAISME AU CAMBODGE của Bernardini).

GIẢI THÍCH:

* **Pháp luật vô biên:** ý nói các phép tu của Phật thì có rất nhiều. **Hỏa thực:** thực phẩm nấu chín bằng lửa. **Pháp thực:** thực phẩm là Pháp (Giáo lý) của Phật.

C.1: Các pháp của Phật thì vô biên, thực phẩm nấu chín bằng lửa biến thành thực phẩm giáo lý.

Ý nói: Ăn thực phẩm nấu chín vào bụng giống như đem giáo lý nhập vào tâm.

* **Thần công:** công nghiệp phi thường. **Cự:** lớn. **Trắc:** đo lường. **Trừ:** cái bếp.

Phàm trừ: cái bếp của người phàm. **Tức thị:** tức là.

Thiên trừ: cái bếp của Trời.

C.2: Công nghiệp to lớn phi thường, cái bếp của người phàm tức là cái bếp của Trời.

Cái bếp của người phàm tạo ra đồ ăn, cái bếp của Trời tạo ra Phật pháp.

Phần thứ hai: Các Đôi Liễn NOI CÁC PHỦ TỪ

1. Đôi Liễn Phạm Phủ từ (1).

C.1: Thuận hòa nghinh nhập thất.

C.2: Phản loạn cấm lai môn.

(2)
反
亂
禁
來
門

(1)
順
和
迎
入
室

Đôi liễn này đặt tại cổng của Phạm Phủ Từ.

Phạm là họ Phạm, Phủ là ngôi nhà lớn, Từ là nhà thờ Tổ tiên. Phạm Phủ Từ là nhà thờ Tổ tiên của dòng họ Phạm.

GIẢI THÍCH:

* **Thuận hòa:** hòa thuận với nhau. **Nghinh:** đón tiếp. **Nhập:** đi vào. **Thất:** nhà.

C.1: Người thuận hòa thì đón tiếp vào nhà.

* **Phản loạn:** làm loạn chống cự lại. **Cấm:** không cho phép. **Lai môn:** tới cửa.

C.2: Kẻ phản loạn thì cấm không cho phép đến cửa.

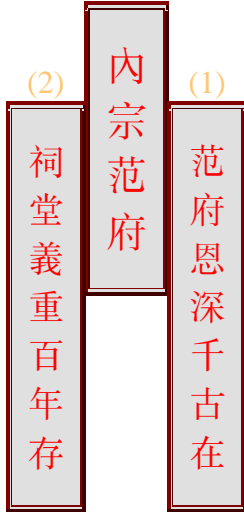
2. Đôi Liễn Phạm Phủ từ (2).

Hàng giữa: NỘI TÔNG PHẠM PHỦ.

C.1: Phạm phủ ân thâm thiên cổ tại.

C.2: Từ đường nghĩa trọng bá niên tồn.

Đôi liễn này đặt tại hai bên bàn thờ Tổ tiên bên Nội của dòng họ Phạm.



GIẢI THÍCH:

Nội tông: dòng họ bên Nội (bên Cha). **Phạm:** họ Phạm. **Phủ:** tiếng tôn xưng nhà của người quý trọng. **Phạm phủ:** nhà họ Phạm.

Nội tông Phạm phủ: Nhà thờ Tổ tiên bên Nội của họ Phạm.

* **Ân thâm:** ơn sâu. **Thiên cổ:** ngàn xưa. **Tại:** ở tại nơi đây.

C.1: *Ơn sâu của nhà họ Phạm ngàn xưa ở tại đây.*

* **Từ đường:** nhà thờ Tổ tiên.

Nghĩa trọng: ơn nghĩa nặng. **Bá niên:** trăm năm. **Tồn:** còn.

C.2: *Nhà thờ Tổ tiên, nghĩa nặng, trăm năm còn.*

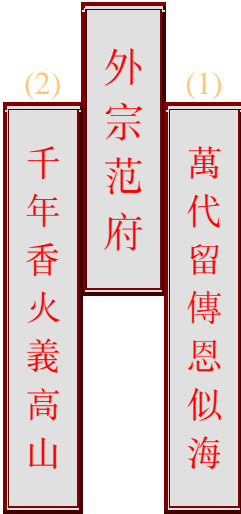
3. Đôi Liễn Phạm Phủ từ (3).

Hàng giữa: **NGOẠI TÔNG PHẠM PHỦ.**

C.1: Vạn đại lưu truyền ân tợ hải.

C.2: Thiên niên hương hỏa nghĩa cao sơn.

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ Tổ tiên bên Ngoại của dòng họ Phạm.



GIẢI THÍCH:

Ngoại tông: dòng họ bên Ngoại. **Phạm phủ:** nhà họ Phạm.

Ngoại tông Phạm phủ: Nhà thờ Tổ tiên bên Ngoại của dòng họ Phạm.

* **Vạn đại:** muôn đời. **Lưu truyền:** lưu lại truyền cho đời sau. **Ân:** ơn. **Tợ:** giống như. **Hải:** biển.

C.1: Muôn đời lưu truyền cái ơn lớn như biển.

* **Thiên niên:** ngàn năm.

Hương hỏa: nhang và lửa, tức là nhang và đèn, chỉ sự thờ cúng. **Nghĩa:** đạo chánh, việc làm theo lẽ phải. **Cao sơn:** núi cao. Có câu ca dao ví công ơn của cha mẹ đối với con cái: "Công cha như núi Thái sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra."

Cho nên: Núi cao, Biển rộng là chỉ công ơn cha mẹ.

Câu liễn 1 là nói cái công ơn của MẸ.

Câu liễn 2 là nói cái công ơn của CHA.

C.2: Ngàn năm thờ cúng cái nghĩa cao như núi.

4. Đôi Liễn Huỳnh Phủ từ (1).

C.1: Huỳnh tộc canh tân đạo hiệp truy nguyên bồi phúc ảm.

C.2: Tông đường y cựu nhơn hòa đồng mạch lạc phong doanh.

(1)

宗堂
依舊
人和
同脈
樂豐
盈

(1)

黃族
更新
道合
追源
培福
蔭

Đôi liễn này đặt tại cổng vào Huỳnh Phủ Từ.

Huỳnh Phủ Từ là nhà thờ Tổ tiên của dòng họ Huỳnh.

GIẢI THÍCH:

* **Huỳnh tộc:** họ Huỳnh. **Canh tân:** đổi mới. **Đạo hiệp:** hợp vào Đạo. **Truy nguyên:** tìm biết đến tận nguồn gốc. **Bồi:** vun đắp. **Phúc ảm:** cái phước của ông cha để lại cho con cháu hưởng.

C.1: Họ Huỳnh đổi mới, hợp vào Đạo, tìm biết tận nguồn gốc, vun đắp cái phước của ông cha để lại.

* **Tông đường:** nhà thờ Tổ tiên của dòng họ. **Y cựu:** nương theo cũ, ý nói: nương theo nền nếp của ông cha ngày trước. **Nhơn hòa:** thuận hòa cùng

mọi người. **Đồng mạch:** cùng một con đường (Đạo). **Lạc:** vui vẻ. **Phong:** thịnh vượng. **Doanh:** đầy đủ.

C.2: Nhà thờ Tổ tiên của dòng họ, nương theo nền nếp cũ, thuận hòa cùng mọi người, cùng một con đường (Đạo), vui vẻ, thịnh vượng, đầy đủ.

5. Đôi Liễn Huỳnh Phủ từ (2).

Hàng giữa: Huỳnh tộc lịch đại Tổ Tiên.

C.1: Mộc bản thủy nguyên hoài tổ đức.

C.2: Phụng mao lân giác kế tiền quang.

Đôi liễn này đặt 2 bên bàn thờ
Tổ tiên của Huỳnh Phủ Từ.



GIẢI THÍCH:

Huỳnh tộc: họ Huỳnh. **Lịch đại:** trải qua nhiều đời. **Tổ tiên:** Ông Cha đời trước.

Huỳnh tộc lịch đại Tổ Tiên: Tổ tiên của dòng họ Huỳnh trải qua nhiều đời.

* **Mộc bản:** gốc của cây.

Thủy nguyên: nguồn của nước. **Mộc bản thủy nguyên:** cây có cội, nước có nguồn, ý nói: Người thì có nguồn gốc là Tổ tiên ông bà. **Hoài:** nhớ tới. **Tổ đức:** ơn đức của Tổ tiên.

C.1: Cây có cội, nước có nguồn, nhớ đến ơn đức của Tổ tiên.

* **Phụng mao:** lông của con chim phượng. **Lân giác:** sừng của con Lân. **Phụng mao lân giác:** ý nói sản xuất ra con cháu là bậc tài giỏi hiếm có. **Kế:** nối theo. **Tiền quang:** vẻ vang sự nghiệp của người đời trước.

C.2: Sản xuất ra con cháu tài giỏi kế thừa sự nghiệp vẻ vang của Tổ tiên.

6. Đôi Liễn Bùi Phủ từ (1).

C.1: Bùi tổ gia phong đạo đức nghĩa nhân truyền tử vinh quang tôn phú quý.

C.2: Phủ tông lễ giáo nhơn luân trung hiếu kế thừa bản tộc hiển trâm anh.

(2)

府宗禮教人掄忠孝繼承本族顯簪纓

(1)

裴祖家風道德義仁傳子榮光孫富貴

Bùi Phủ Từ là nhà thờ Tổ tiên dòng họ Bùi.

GIẢI THÍCH:

* **Bùi Tổ:** Tổ tiên của họ Bùi. **Gia phong:** nếp nhà, tập quán và nề nếp trong gia tộc. **Nghĩa nhân:** điều nghĩa và điều nhân. **Truyền tử:** truyền lại cho con. **Vinh quang:** vẻ vang. **Tôn:** cháu. **Phú quý:** giàu sang.

C.1: Tổ tiên họ Bùi, gia phong, đạo đức, nhân nghĩa, truyền lại cho con được vẻ vang, cho cháu được giàu sang.

* **Phủ tông:** nhà thờ của dòng họ. **Lễ giáo:** lễ nghi và giáo dục. **Nhơn luân:** luân thường đạo lý của con người. **Trung hiếu:** trung thành và hiếu thảo. **Kế thừa:** nhận lãnh và tiếp nối sự nghiệp của ông cha để lại. **Bản tộc:** dòng họ của mình. **Hiển:** vẻ vang. **Trâm anh:** cây trâm cài tóc và giải mũ, chỉ nhà quyền quý.

C.2: Nhà thờ của dòng họ, lễ giáo, nhơn luân, trung hiếu, kế thừa dòng họ của mình cho được vẻ vang quyền quý.

7. Đôi Liễn Bùi Phủ từ (2).

C.1: Sùng đức Cửu Huyền ân thượng trọng.

C.2: Tôn công Thất Tổ nghĩa cao thâm.

(2)

尊
功
七
祖
義
高
深

(1)

崇
德
九
玄
恩
上
重

Đôi liễn này đặt 2 bên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, gian bên hữu của Bùi Phủ Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Sùng:** kính trọng. **Đức:** đạo đức. **Cửu Huyền:** chín đời. Thờ Cửu Huyền là thờ Tổ tiên 9 đời trước mình. **Ân:** ơn. **Thượng:** trên. **Trọng:** nặng.

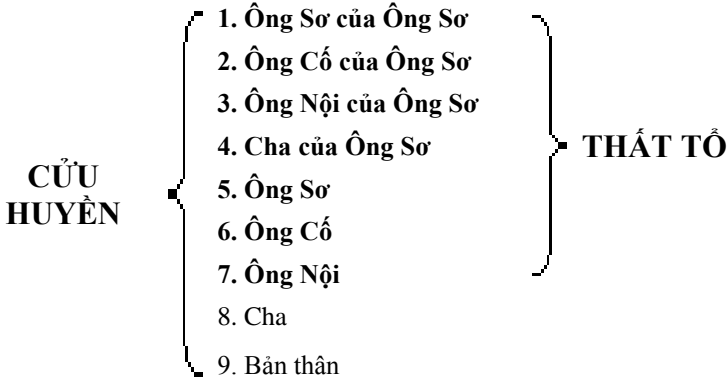
C.1: Kính trọng đạo đức của Cửu Huyền, ơn nặng trên hết.

* **Tôn:** kính trọng. **Công:** công đức. **Thất Tổ:** bảy vị Tổ của dòng họ kể từ Ông Nội đến Ông Sơ của Ông

Sơ. **Nghĩa:** ơn nghĩa. **Cao thâm:** cao sâu.

C.2: Kính trọng công đức của Thất Tổ, ơn nghĩa cao sâu.

Sau đây là Hệ thống Cửu Huyền Thất Tổ:



8. Đôi Liễn Võ Phủ từ (1).

C.1: Võ tông trung nghĩa gia thanh truyền giáo phạm,

C.2: Tổ đức hiếu nhân kế nghiệp tử tôn thừa.

(2)

祖
德
孝
仁
繼
業
子
孫
承

(1)

武
宗
忠
義
家
聲
傳
教
範

Đôi liễn này đặt tại cổng vào Võ Phủ Từ.

Võ Phủ Từ là nhà thờ tổ tiên dòng họ Võ.

GIẢI THÍCH:

* **Võ tông:** dòng họ Võ. **Trung nghĩa:** trung thành và nghĩa khí. **Gia thanh:** cái tiếng tăm tốt của gia tộc do tổ phụ xây dựng mà có. **Giáo phạm:** dạy phép tắc để người ta noi theo.

C.1: Dòng họ Võ, tiếng tăm trung nghĩa của tổ phụ lưu lại, truyền dạy phép tắc để người sau noi theo.

* **Tổ đức:** cái đức của tổ tiên. **Hiếu nhân:** hiếu thảo và nhơn từ. **Kế nghiệp:** nối nghiệp. **Tử tôn:** con cháu. **Thừa:** nối theo.

C.2: Cái đức của tổ tiên để lại là hiếu và nhân, con cháu nối nghiệp theo.

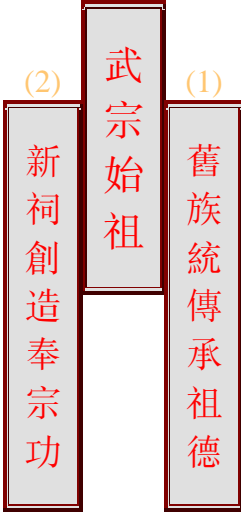
9. Đôi Liễn Võ Phủ từ (2).

Hàng giữa: **VÕ TÔNG THỦY TỔ.**

C.1: Cựu tộc thống truyền thừa tổ đức,

C.2: Tân từ sáng tạo phụng tông công.

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ giữa, thờ Ông Thủy Tổ của dòng họ Võ.



GIẢI THÍCH:

Võ tông Thủy tổ: Ông tổ đầu tiên lập ra dòng họ Võ.

* **Cựu tộc:** dòng họ làm quan nổi tiếng lâu đời. **Thống truyền:** truyền lại có hệ thống. **Thừa:** nối theo. **Tổ đức:** cái đức của Tổ tiên.

C.1: Dòng họ làm quan nổi tiếng từ lâu đời, truyền lại có hệ thống, nối theo cái đức của Tổ tiên để lại.

* **Tân từ:** nhà thờ Tổ tiên mới tạo dựng. **Sáng tạo:** đầu tiên làm ra. **Phụng:** thờ phượng. **Tông công:** công đức của Tổ tiên dòng họ.

C.2: Sáng tạo ra nhà thờ mới để thờ phượng công đức của Tổ tiên.

10. Đôi Liễn Võ Phủ từ (3).

C.1: Võ tự tam nguơn tồn phúc ảm.

C.2: Tông môn vạn đại kế thư hương.

(2)

宗門萬代繼書香

(1)

武祀三元存福蔭

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ Chư Chơn Linh Nam phái của Võ Phủ Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Võ tự:** cúng tế Tổ tiên họ Võ.

Tam nguơn: ba nguơn, ý nói ba ngày rằm của ba nguơn trong một năm: Rằm Thượng nguơn (15 tháng giêng), Rằm Trung nguơn (15 tháng 7), Rằm Hạ nguơn (15 tháng 10). **Tồn:** còn. **Phúc ảm:** cái phước đức của tổ tiên để lại cho con cháu hưởng.

C.1: Cúng tế tổ tiên vào ba ngày rằm của ba nguơn để giữ cho còn cái phước đức của tổ tiên để lại.

* **Tông môn:** dòng họ. **Vạn đại:** muôn đời. **Kế:** nối theo. **Thư hương:** mùi thơm của sách, ý nói: có tiếng tăm về học thức.

C.2: Dòng họ muôn đời nối theo có tiếng tăm về học thức.

11. Đôi Liễn Võ Phủ từ (4).

C.1: Xuân tự thu thường lưu thế viễn.

C.2: Tả chiêu hữu mục hiệp tông hưng.

(2)

左
昭
右
穆
合
宗
興

(1)

春
祀
秋
嘗
留
世
遠

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ Chư Chơn Linh Nữ phái của Võ Phủ Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Xuân tự:** cúng tế vào mùa Xuân. **Thu thường:** tế lễ vào mùa Thu. **Lưu:** để lại. **Thế viễn:** đời xa, tức là nhiều đời sau.

C.1: Cúng tế vào mùa Xuân, mùa Thu, lưu lại nhiều đời về sau.

* **Tả chiêu hữu mục:** ngôi thờ bên trái (tả) gọi là Chiêu, ngôi thờ bên mặt (hữu) gọi là Mục. Tả chiêu hữu mục là ngôi thờ bên trái và bên mặt. **Hiệp:** hợp vào. **Tông:** dòng họ. **Hưng:** thịnh vượng.

C.2: Ngôi thờ bên trái và ngôi thờ bên mặt, hợp vào làm cho dòng họ được hưng thịnh.

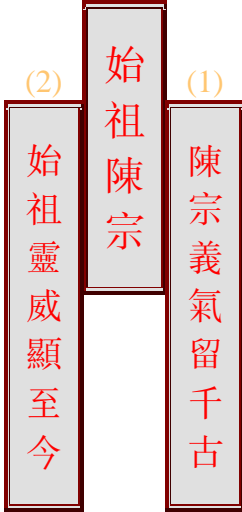
12. Đôi Liễn Trần Phủ từ (1).

Hàng giữa: **THỦY TỔ TRẦN TÔNG**

C.1: Trần tông nghĩa khí lưu thiên cổ.

C.2: Thủy tổ linh oai hiển chí kim.

Đôi liễn này đặt 2 bên bàn thờ Ông Thủy tổ của dòng họ Trần.



GIẢI THÍCH:

* **Trần tông:** dòng họ Trần.

Nghĩa khí: cái chí khí ham làm việc nghĩa. **Lưu:** để lại. **Thiên cổ:** ngàn xưa, xưa lắm.

C.1: Cái nghĩa khí của dòng họ Trần lưu lại từ ngàn xưa.

* **Thủy tổ:** ông tổ khởi đầu của một dòng họ. **Linh oai:** oai quyền thiêng liêng. **Hiển:** hiện ra. **Chí kim:** đến ngày nay.

C.2: Cái oai linh của Ông Thủy tổ hiện ra cho đến ngày nay.

13. Đôi Liên Trần Phủ từ (2).

C.1: Mộc bản thủy nguyên ân mạc trắc.

C.2: Càn sanh khôn dục đức vu thâm.

(2)

乾
生
坤
育
德
尤
深

(1)

木
本
水
源
恩
莫
測

Đôi liên này đặt 2 bên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ Nam phái của Trần Phủ Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Mộc bản:** cội của cây. **Thủy nguyên:** nguồn của nước. **Mộc bản thủy nguyên:** cây có cội, nước có nguồn, ý nói: Người phải có nguồn gốc là Tổ tiên ông bà. **Ân:** ơn. **Mạc trắc:** không đo lường được.

C.1: Cây có cội, nước có nguồn, ơn của Tổ tiên lớn không thể đo lường được.

* **Càn khôn:** hai quẻ trong Bát quái, Càn tượng trung Trời, Khôn tượng trung Đất. Càn khôn là Trời đất. **Càn sanh:** Trời sanh ra. **Khôn dục:** Đất nuôi dưỡng. **Đức:** ơn đức. **Vu:** rất. **Thâm:** sâu.

C.2: Trời sanh Đất dưỡng, ơn đức rất sâu.

14. Đôi Liễn Trần Phủ từ (3).

C.1: Kiêu mộc thiên chi qui nhứt bôn.

C.2: Trường giang vạn phái hội đồng nguyên.

(2)

長
江
萬
派
會
同
源

(1)

喬
木
千
枝
歸
一
本

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ Nữ phái của Trần Phủ Từ.

GIẢI THÍCH:

* **Kiều:** cao. **Kiều mộc:** cây cao. **Thiên chi:** ngàn nhánh cây. **Qui:** trở về. **Nhứt bôn:** một gốc.

C.1: Cây cao ngàn nhánh đều có cùng một gốc.

* **Trường giang:** sông dài. **Vạn phái:** muôn nhánh sông. **Hội:** gom lại. **Đồng nguyên:** cùng một nguồn nước.

C.2: Sông dài muôn nhánh gom lại chỉ có cùng một nguồn nước.

Ý nói: Con cháu đông đảo nhưng xem lại chỉ có một Ông Tổ mà thôi.

15. Đôi Liên Trần Phủ từ (4).

C.1: Trần phủ huy hoàng vi cứu kế.

C.2: Tông đường miên viễn lịch hà niên.

(2)

宗
堂
綿
遠
歷
河
年

(1)

陳
府
輝
煌
為
久
計

Đôi liên này đặt trên bao lam trước bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ Nam phái.

GIẢI THÍCH:

* **Trần phủ:** nhà của họ Trần.
Huy hoàng: rực rỡ chói lọi. **Vi:** làm.
Cứu kế: kế hoạch lâu dài.

C.1: Nhà họ Trần huy hoàng làm kế lâu dài.

* **Tông đường:** nhà thờ Tổ tiên của dòng họ. **Miên viễn:** lâu dài xa không dứt. **Lịch:** trải qua. **Hà:** xa xôi,

dài lâu. **Niên:** năm.

C.2: Nhà thờ Tổ tiên của dòng họ thì miên viễn trải qua nhiều năm.

16. Đôi Liễn Phan Phủ từ.

- C.1:** Phan thừa phùng võ tác nhân qui tông phái,
C.2: Phủ nghiệp trường văn duy đức định đường phong.

(2)
府業長文造德定堂風

(1)
潘承逢武作仁歸宗派

Đôi liễn này đặt tại cổng của Phan Phủ Từ.

Nguyên Đôi liễn này là:

*Phan thừa phùng võ tác nhân qui tông
phái,
Phủ nghiệp trường văn duy đức miếu
đường phong.*

Đêm 8-5-Quý Tỵ (dl 18-6-1953), Đoàn cơ do Thừa Sứ Phan hữu Phước và Trần thanh Mậu phò loan, cầu Ngài Phan Thanh Giản giảng chỉnh sửa, thì Ngài giảng sửa chữ **Miếu** thành chữ **Định**, vì Ngài nói: Chữ **Miếu** đường không thể dụng vào một Tông phái.

GIẢI THÍCH:

* **Phan:** họ Phan. **Thừa:** nối tiếp, thừa kế. **Phùng:** gặp. **Võ:** võ nghệ. **Tác nhân:** làm điều nhơn đức. **Qui:** trở về. **Tông phái:** những nhánh trong một họ.

C.1: Họ Phan nối tiếp, gặp võ nghiệp, làm điều nhơn đức, đem các nhánh của dòng họ trở về.

* **Phủ nghiệp:** nghiệp nhà. **Trường:** dài. **Văn:** văn chương. **Duy đức:** chỉ duy dùng cái đức. **Định:** sắp đặt. **Đường phong:** nếp nhà, nếp sống tốt đẹp trong nhà.

C.2: Nghiệp nhà văn chương lâu dài, chỉ duy dùng cái đức để sắp đặt nền nếp trong nhà.

17. Đôi Liễn Dương Phủ từ.

C.1: Thất tổ bốn nguyên truy viễn đạo.

C.2: Cửu Huyền thân tộc cảm hoài ân.

(2)

九
玄
親
族
感
懷
恩

(1)

七
祖
本
源
追
遠
道

Đôi liễn này đặt hai bên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ của Dương Phủ Từ.

Dương Phủ Từ là nhà thờ Tổ tiên của dòng họ Dương.

GIẢI THÍCH:

* **Thất Tổ - Cửu Huyền:** (Đã giải nơi Đôi liễn 7: Bùì Phủ Từ). **Bốn nguyên:** nguồn gốc. **Truy:** tìm biết ngược trở lại việc đã qua. **Viễn đạo:** con đường xa.

C.1: Thất Tổ, truy tìm cái nguồn gốc của con đường xa.

* **Thân tộc:** người bà con trong họ. **Cảm hoài:** nhớ tới mà cảm động trong lòng.

C.2: Cửu Huyền, những người bà con trong họ đều cảm hoài ơn đức.

Hết

MỤC LỤC

- Lời nói đầu
- Thỉnh cầu
- Những chữ viết tắt

Phần thứ nhất:

CÁC ĐÔI LIỄN Nơi các cơ quan của Đạo Cao Đài

1. Đôi Liễn Tiên tri
2. Đôi Liễn Di-Lạc
3. Đôi Liễn Vạn Pháp
4. Đôi Liễn Cao Đài
5. Đôi Liễn Hiệp Thiên Đài
6. Đôi Liễn Giáo Tông Đường
7. Đôi Liễn Nhơn Nghĩa
8. Đôi Liễn Pháp Chánh
9. Đôi Liễn Phạm Môn
10. Đôi Liễn Hộ Pháp Đường
11. Đôi Liễn Vĩ Đại
12. Đôi Liễn Bát Quái
13. Đôi Liễn Báo Ân Từ
14. Đôi Liễn Báo Ân Từ (*)
15. Đôi Liễn Phước Thiện (1)
16. Đôi Liễn Phước Thiện (2)
17. Đôi Liễn Văn Phòng Tộc Đạo Phước Thiện
18. Đôi Liễn Hội Thánh Hàm Phong
19. Đôi Liễn Phổ Tế
20. Đôi Liễn Tông Đạo Tản Nhơn
21. Đôi Liễn Tông Đạo Kim Biên
22. Đôi Liễn Lễ Viện
23. Đôi Liễn Y Viện
24. Đôi Liễn Khách Đình (1)
25. Đôi Liễn Khách Đình (2)
26. Đôi Liễn Tổng Trạo
27. Đôi Liễn Thuyền Bát Nhã (1)
28. Đôi Liễn Thuyền Bát Nhã (2)
29. Đôi Liễn Đạo Đức Học Đường
30. Đôi Liễn Lễ Nhạc Đường
31. Đôi Liễn Cơ quan Phát Thanh
32. Đôi Liễn Ban Đạo Sứ

33. Đôi Liễn Trung Tông Đạo
34. Đôi Liễn Thảo Xá Hiền Cung
35. Đôi Liễn Phạm Nghiệp
36. Đôi Liễn Cơ Thánh Vệ
37. Đôi Liễn Nhà thờ Đức Q. Giáo Tông (1)
38. Đôi Liễn Nhà thờ Đức Q. Giáo Tông (2)
39. Đôi Liễn Cục Lạc Thổ
40. Đôi Liễn Cục Lạc Cảnh
41. Đôi Liễn Văn phòng Ban Quản Trị Long Hoa
42. Đôi Liễn Báo Quốc Tử
43. Đôi Liễn Minh Thiện Đàn (Phú Mỹ)
44. Đôi Liễn Qui Thiện (1)
45. Đôi Liễn Qui Thiện (2)
46. Đôi Liễn Điện Thờ Phật Mẫu Q.T.
47. Đôi Liễn Báo Ân Đường Q.T.(1)
48. Đôi Liễn Báo Ân Đường Q.T.(2)
49. Đôi Liễn Trí Giác Cung
50. Đôi Liễn Điện Thờ Phật Mẫu
51. Hai câu Hán văn trên bức họa Nam Bình Phật Tô.
52. Đôi Liễn trên Ngọc Lộ Thuyền
53. Đôi Liễn Chợ Tân Dân QT.
54. Đôi Liễn Trí Huệ Cung
55. Đôi Liễn Sở Cấp Cô
56. Đôi Liễn Ban Cấp Tế
57. Đôi Liễn Nhà Bảo Sanh
58. Đôi Liễn Dưỡng Lão Đường
59. Đôi Liễn Vạn Pháp Cung
60. Đôi Liễn Linh Sơn Động
61. Đôi Liễn Anh Linh Miếu (1)
62. Đôi Liễn Anh Linh Miếu (2)
63. Đôi Liễn Bàn đưa Chức sắc
64. Đôi Liễn Bàn đưa ở Qui Thiện
65. Đôi Liễn Khánh thờ tư gia
66. Đôi Liễn Khách Thiện Đường Q.T. (1)
67. Đôi Liễn Khách Thiện Đường Q.T. (2)
68. Đôi Liễn Khách Thiện Đường Q.T. (3)
69. Đôi Liễn Khách Thiện Đường Q.T. (4)
70. Đôi Liễn tại Hậu Điện Thánh Thất Cao Lãn
71. Đôi Liễn trong Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh
72. Đôi Liễn Thảo Đường (Phú Mỹ)
73. Đôi Liễn Thánh Thất Càn Đăng Long Xuyên
74. Đôi Liễn Thánh Thất Battambang (1)
75. Đôi Liễn Thánh Thất Battambang (2)

Phần thứ hai:

Các Đôi Liễn NOI CÁC PHỮ TỪ

1. Đôi Liễn Phạm Phủ từ (1)
2. Đôi Liễn Phạm Phủ từ (2)
3. Đôi Liễn Phạm Phủ từ (3)
4. Đôi Liễn Huỳnh Phủ từ (1)
5. Đôi Liễn Huỳnh Phủ từ (2)
6. Đôi Liễn Bùi Phủ từ (1)
7. Đôi Liễn Bùi Phủ từ (2)
8. Đôi Liễn Võ Phủ từ (1)
9. Đôi Liễn Võ Phủ từ (2)
10. Đôi Liễn Võ Phủ từ (3)
11. Đôi Liễn Võ Phủ từ (4)
12. Đôi Liễn Trần Phủ từ (1)
13. Đôi Liễn Trần Phủ từ (2)
14. Đôi Liễn Trần Phủ từ (3)
15. Đôi Liễn Trần Phủ từ (4)
16. Đôi Liễn Phan Phủ từ
17. Đôi Liễn Dương Phủ từ